

TRUYỆN TRANH SONG NGỮ VIỆT- ANH

WALT DISNEY'S

Donald và bạn hữu

Tập 14

© Disney Enterprises, Inc.,
Saigon Times Group hợp tác xuất bản
với Nhà Xuất bản Trẻ
Theo hợp đồng li-xăng của Walt Disney
dành cho Saigon Times Group

Khi Đức vua vi hành



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



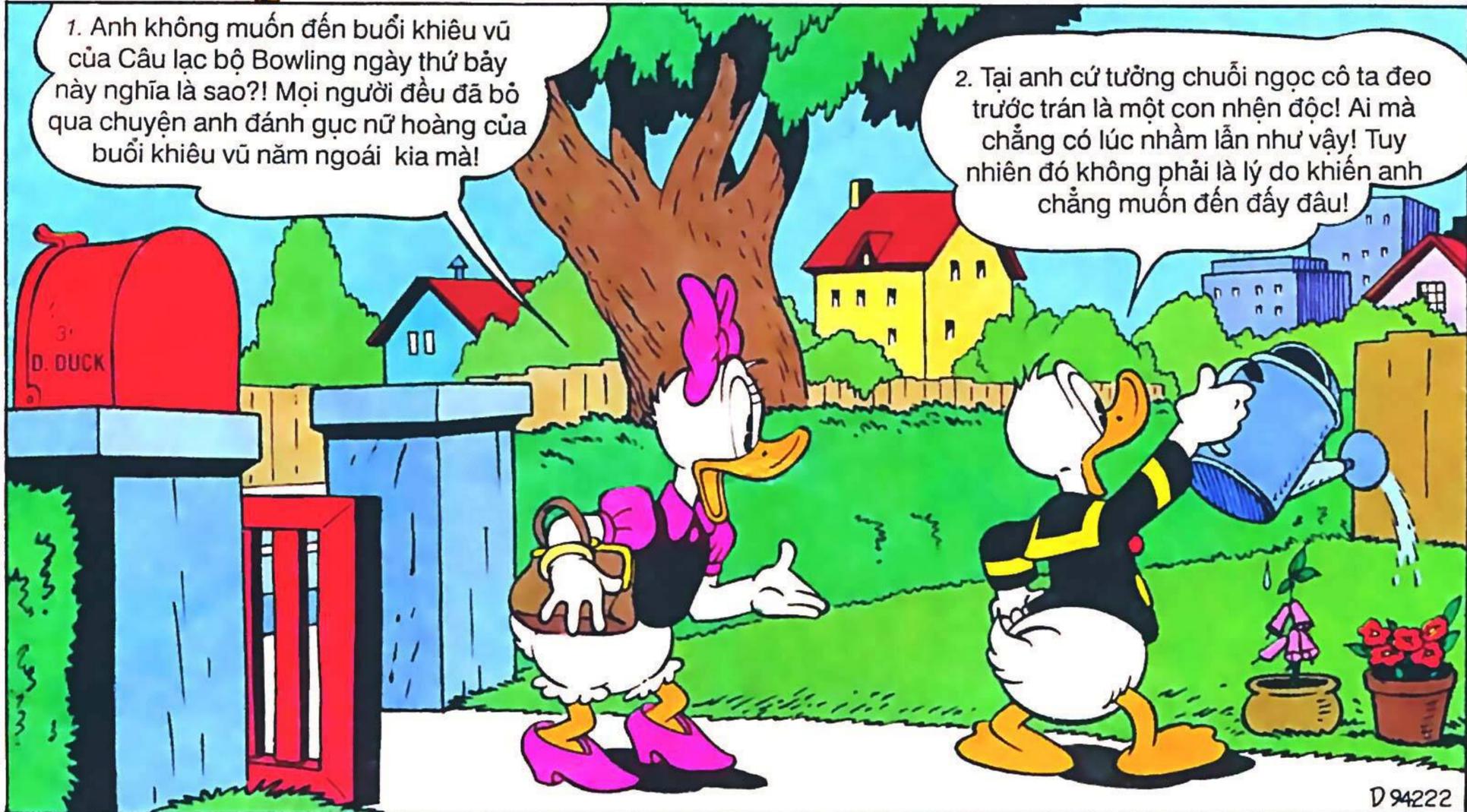
SAIGON TIMES GROUP



VỊT DONALD

Khi Đức vua vi hành

Người dịch : NGUYỄN TƯỜNG MINH



1. What do you mean you don't want to go to the Bowling Club Ball on Saturday? Everyone's forgiven you for knocking out last year's queen of the ball! 2. I mistook her tiara for a tarantula! It was a mistake anyone could have made! And anyhow that's not the reason I don't want to go! 3. D.DUCK



4. Why don't you want to go then?! 5. Because the Bowling Club Ball is common, cheap and has no style! 6. So what?! You're common, cheap and haven't got any style too! 7. Huh! Well, that shows how little you know about me!

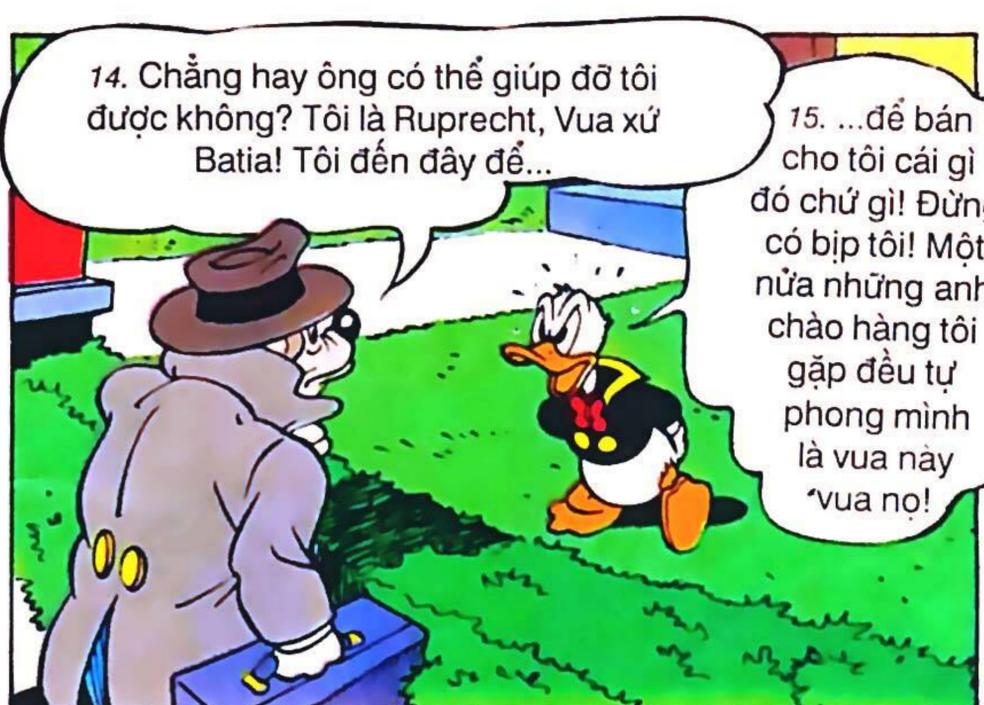


8. I deserve better than the bowling club ball! I'm more sophisticated! I deserve... 9. WHIZ 10. Ouch! What was that for?! 11. It was what you deserved!



12. Đừng có tưởng là anh sẽ trả đũa, không đời nào! Anh đây là người hết sức thanh lịch!

13. Xin cảm phiền!



14. Chẳng hay ông có thể giúp đỡ tôi được không? Tôi là Ruprecht, Vua xứ Batia! Tôi đến đây để...

15. ...để bán cho tôi cái gì đó chứ gì! Đừng có bịp tôi! Một nửa những anh chào hàng tôi gặp đều tự phong mình là vua này 'vua nọ!

12. If you think I'm going to retaliate, I'm not! I'm too sophisticated! 13. Excuse me! 14. I wonder if you could help me!? My name is King Ruprecht of Batia! I've come here... 15. ...to sell me something! You don't fool me! Half the salesmen I meet call themselves King of this or that!



16. Không! Tôi thực sự là Vua Ruprecht của xứ Batia mà! Nếu ông cho tôi vào nhà, tôi có thể chứng minh cho ông thấy!

17. Tôi cảnh cáo ông, nếu tòi ra ông chỉ là một anh chào hàng...



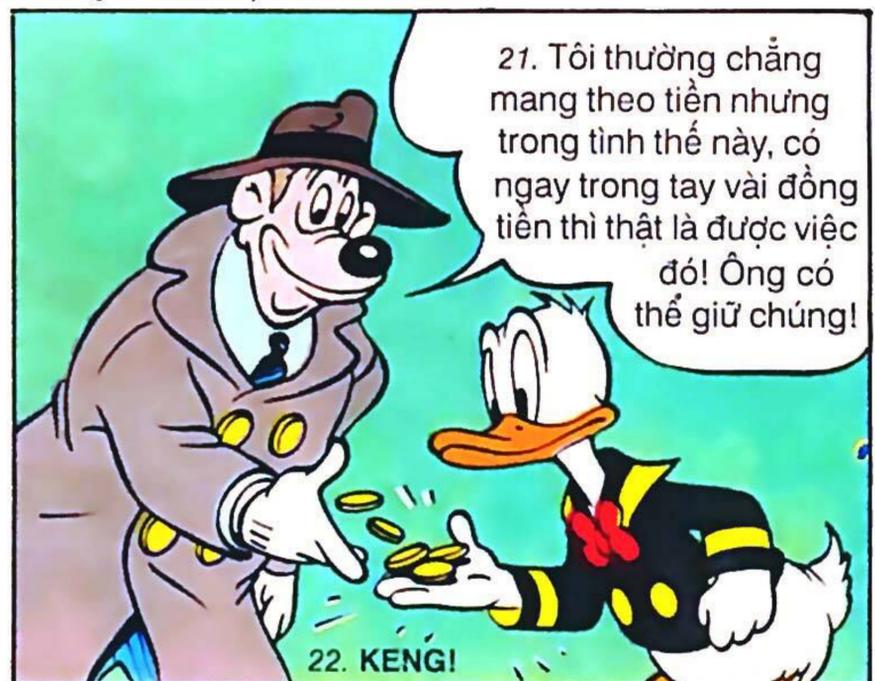
18. Thôi được, nghĩ lại, mời ông cứ vào nhà! Tôi đang muốn quẳng một chậu hoa vào ai đó!

16. No! I really am King Ruprecht of Batia! If you let me into your house, I can prove it to you! 17. I warn you, if you turn out to be a salesman... 18. Actually, on second thoughts, come in! I feel like throwing a flower pot at someone!



19. Nào bằng chứng đâu? Chờ có bảo rằng đã nhét cái vương miện của mình trong cái va-li này đây nhé!

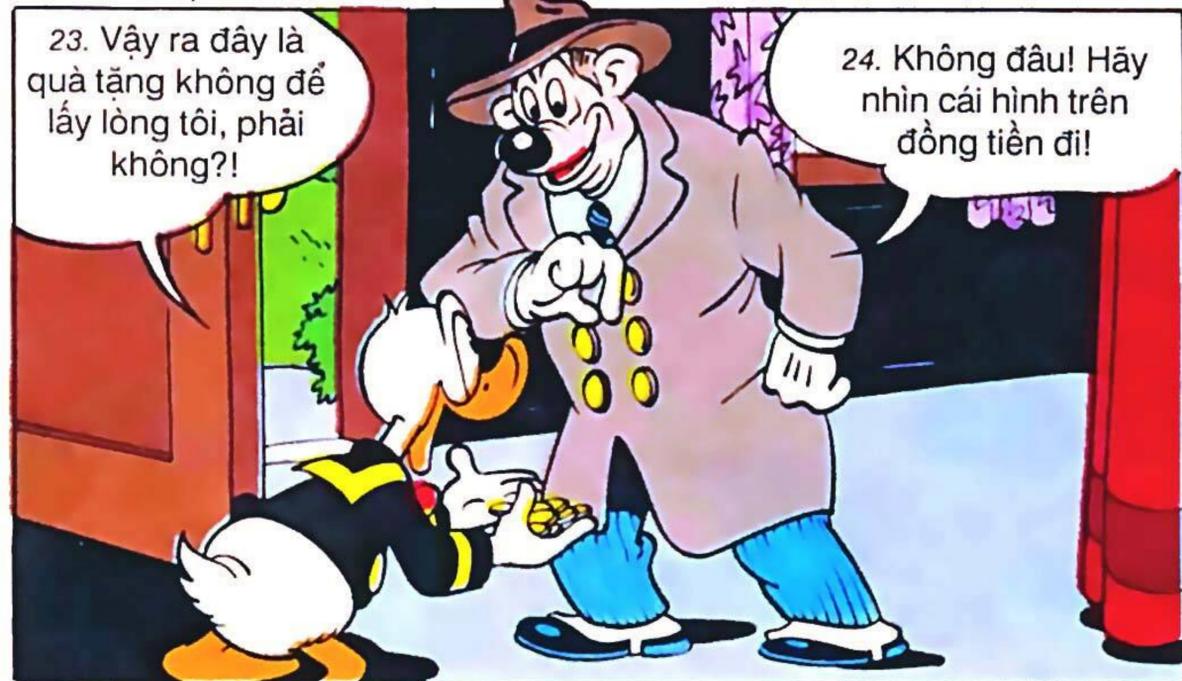
20. Quả có đấy! Nhưng đó không phải là bằng chứng! Một cái vương miện thì ai mà chẳng mua được! Tôi còn có thứ khác hay hơn nhiều!



21. Tôi thường chẳng mang theo tiền nhưng trong tình thế này, có ngay trong tay vài đồng tiền thì thật là được việc đó! Ông có thể giữ chúng!

22. KENG!

19. So what's this proof then? Don't tell me you've got your crown in that suitcase!? 20. Yes! But that's not proof! Anyone could buy a crown! I've got something even better! 21. I don't normally carry money with me but I thought they might come in handy in this situation! You can keep them! 22. CHINK



23. Vậy ra đây là quà tặng không để lấy lòng tôi, phải không?!

24. Không đâu! Hãy nhìn cái hình trên đồng tiền đi!



25. Ôi chào! Lại trò quỷ thuật!

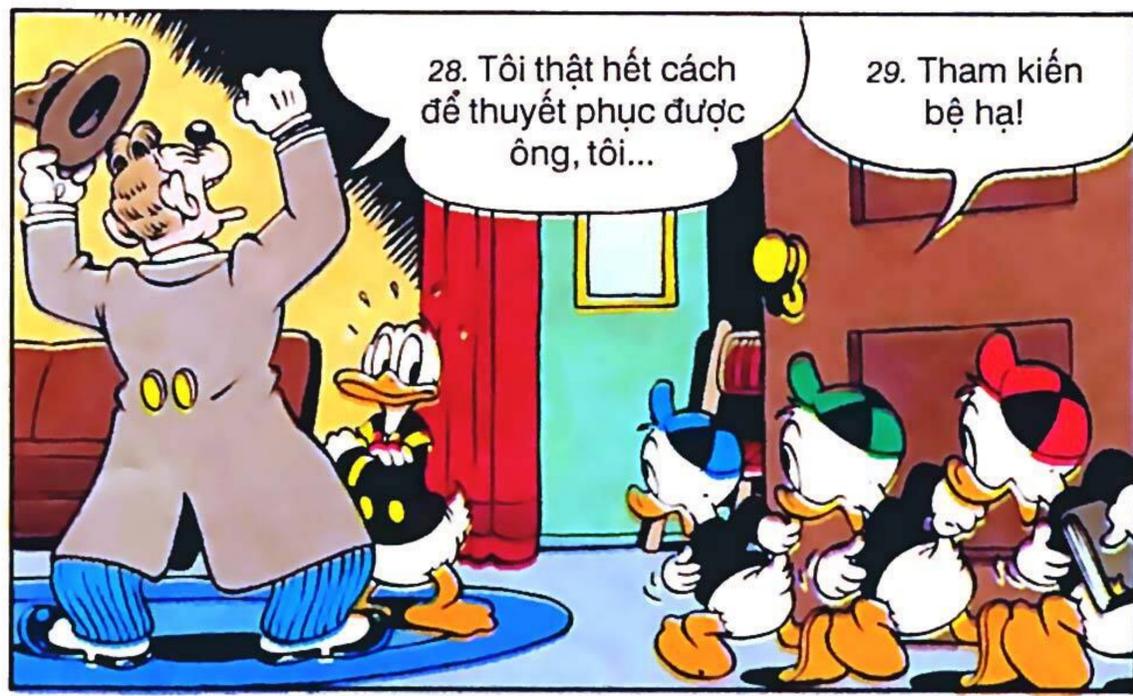
23. So this is the free gift to soften me up, is it?! 24. No! Look at the picture on the coins! 25. Wow! Some magic trick!



26. Sao, mảnh mung gì nào? Chắc là ông muốn đề nghị in mặt tôi lên trên một đồng tiền vàng "dòm" chứ gì?!



27. Không! Chúng không phải là những đồng tiền vàng "dòm" đâu! Chúng bằng vàng thật đấy!



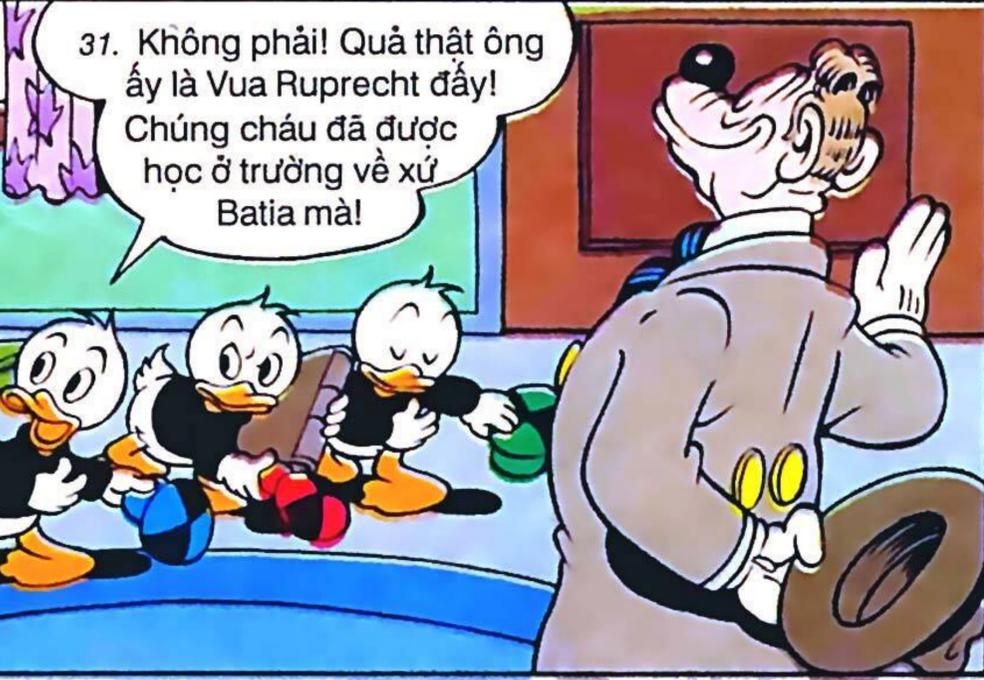
28. Tôi thật hết cách để thuyết phục được ông, tôi...

29. Tham kiến bệ hạ!

26. So, what's the scam? You're offering to print my head on some fake gold coins?! 27. No! And they're not fake gold coins! They're real! 28. I don't know how else I can convince you, I... 29. Your royal highness!



30. Ha! Trò này cũng chẳng lừa được tôi đâu! Chắc là ông ta đã cho tụi bay tiền để ông giả bộ như là Vua Ruprecht của xứ Batia, phải thế không?!



31. Không phải! Quả thật ông ấy là Vua Ruprecht đấy! Chúng cháu đã được học ở trường về xứ Batia mà!

30. Ha! That's not going to fool me either! He paid you to pretend that he was King Ruprecht of Batia, didn't he?! 31. No! He really is King Ruprecht! We've been studying Batia at school!



32. Nhìn xem này! Có hình của ông ấy trong sách giáo khoa đây!



33. Úi!

34. VUA RUPRECHT XỨ BATIA

32. Look! There's a picture of him here in this text book! 33. >Gulp!< 34. KING RUPRECHT OF BATIA



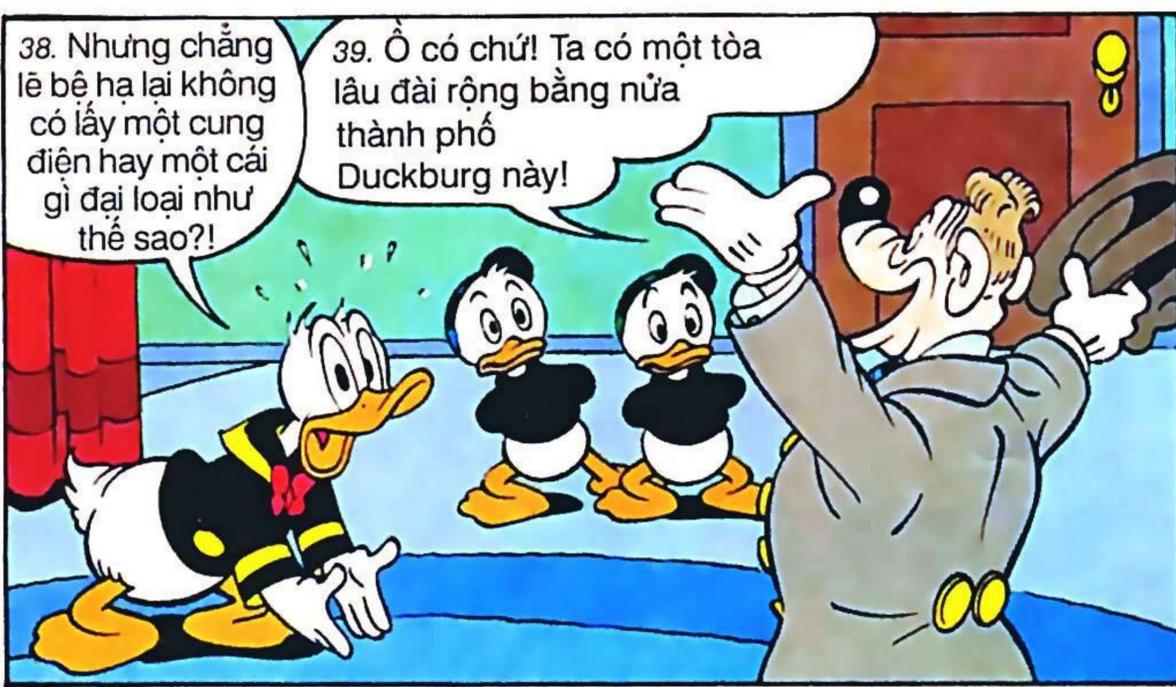
35. Tham kiến bệ hạ! Thần thành thật xin lỗi! Kính mong bệ hạ mở lượng tha thứ!



36. Dĩ nhiên là tha thứ rồi! Có điều là khanh phải cho ta lưu lại đây trong một vài ngày!

37. Cái gì?! Ở đây ư?!

35. Your Royal Highness, I'm so sorry! Please, forgive me! 36. Of course I forgive you! But only if you let me stay here for a couple of days! 37. What?! Here?!



38. Nhưng chẳng lẽ bê hạ lại không có lấy một cung điện hay một cái gì đại loại như thế sao?!

39. Ô có chứ! Ta có một tòa lâu đài rộng bằng nửa thành phố Duckburg này!



40. Giờ ta chỉ muốn nhìn tận mắt người dân bình thường sống ra sao thôi! Ta đã phái một toán nghiên cứu về vấn đề này và họ đã phát hiện được rằng chẳng có một ai lại thông tục hoặc tầm thường hơn Vịt Donald cả!

38. But, don't you have a palace or something?! 39. Oh yes! I have a palace half the size of Duckburg! 40. Now I want to see how the common people live! I put my researchers onto it and they found out there was no one more common or ordinary than Donald Duck!



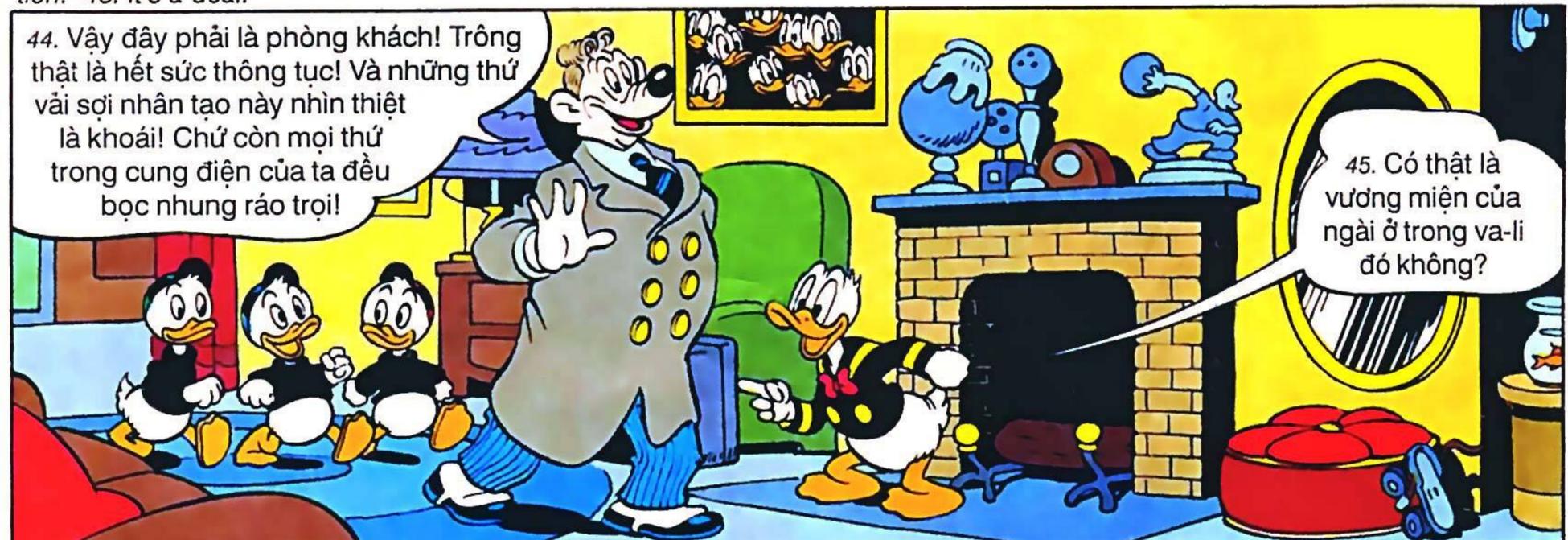
41. À, vậy thì mấy tay nghiên cứu của ngài đã làm rồi! Tôi đây chẳng hề thông tục lẫn tầm thường! Tôi là người thanh lịch! Tôi không có vẻ như vậy chỉ bởi vì tôi sạch túi mà thôi!



42. Thế thì nghe ta nói đây này - nếu người cho ta ở đây theo kiểu thay tên đổi họ trong vài ngày thì ta sẽ cho người đủ tiền để chứng minh sự thanh lịch của người!

43. Thế thì thỏa thuận thôi!

41. Well, your researchers made a mistake! I'm neither common nor ordinary! I'm sophisticated! I just don't look it because I'm broke! 42. I tell you what then — if you let me stay with you incognito for a few days then I'll give you enough money to prove your sophistication! 43. It's a deal!



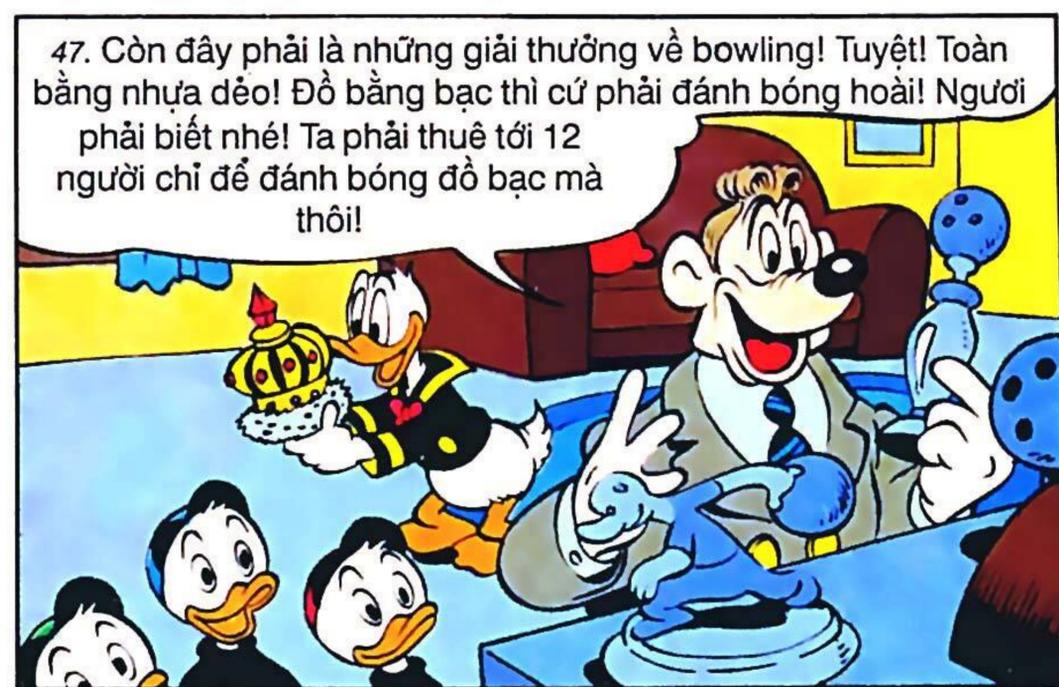
44. Vậy đây phải là phòng khách! Trông thật là hết sức thông tục! Và những thứ vải sợi nhân tạo này nhìn thiệt là khoái! Chứ còn mọi thứ trong cung điện của ta đều bọc nhung ráo trọi!

45. Có thật là vương miện của ngài ở trong va-li đó không?

44. So this must be the living room! How wonderfully common! And how nice to see artificial fabrics! Everything in my palace is upholstered in velvet! 45. Is your crown really in that suitcase?

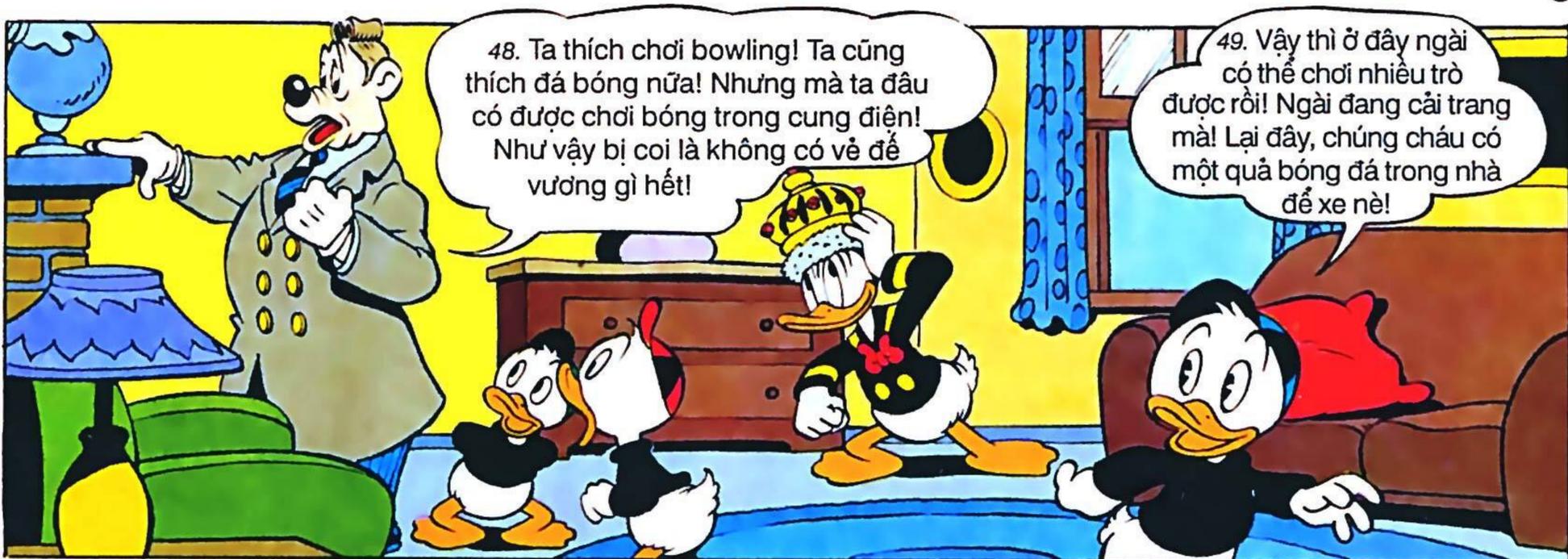


46. Vương miện của ta hả? Tất nhiên rồi! Đi đâu ta cũng đem nó theo! Thế người có muốn nhìn một chút không?



47. Còn đây phải là những giải thưởng về bowling! Tuyệt! Toàn bằng nhựa dẻo! Đồ bằng bạc thì cứ phải đánh bóng hoài! Người phải biết nhé! Ta phải thuê tới 12 người chỉ để đánh bóng đồ bạc mà thôi!

46. My crown? Yes, of course! I don't go anywhere without it! Would you like a look? 47. And these must be bowling trophies! Plastic! How marvellous! Silver needs such a lot of polishing! You should know! I have to employ twelve silver servants!



48. Ta thích chơi bowling! Ta cũng thích đá bóng nữa! Nhưng mà ta đâu có được chơi bóng trong cung điện! Như vậy bị coi là không có vẻ bề vương gì hết!

49. Vậy thì ở đây ngài có thể chơi nhiều trò được rồi! Ngài đang cải trang mà! Lại đây, chúng cháu có một quả bóng đá trong nhà để xe nè!

48. I love bowling! I love football too! I'm not allowed to play games in the palace, though! It's considered unkingly!

49. Well you can play games here! You're incognito! Come on, we've got a football in the garage!



50. Tôi xin lỗi! Tôi chỉ muốn thử xem nó nặng cỡ nào thôi! Tôi...

51. Đá banh hã! Thật là hào hứng! Đó có phải là trò chơi với một khúc côn gỗ không?

50. I'm sorry! I was only seeing how heavy it was! I... 51. Football! How exciting! That's the game with wooden bat isn't it?

52. Or is it the one with the baskets? 53. How did he get to be king?! I'd be a better king than him! This crown fits perfectly!



52. Hay nó là cái trò chơi với rổ lưới?

53. Sao mà ông ta lại là vua được nhỉ?! Mình mà làm vua thì còn bảnh hơn nhiều! Mình đội cái vương miện này thật là vừa khít!



54. Chẳng biết nó trông như thế nào! Mình dám chắc là... cái gì vậy ?!

55. Thế, quả bóng đá nó như thế này đây! Ta vẫn luôn tưởng là nó... có hình cầu tròn trịa chứ!

54. I wonder what it looks like! I bet... What the...?! 55. So, this is what a football looks like! I always imagined them to be more... ballshaped!

56. It's gone flat! I'll go and ask Unca Donald if he knows where the pump is!



57. Chú Donald ơi, ở đâu... Cái gì vậy...?!

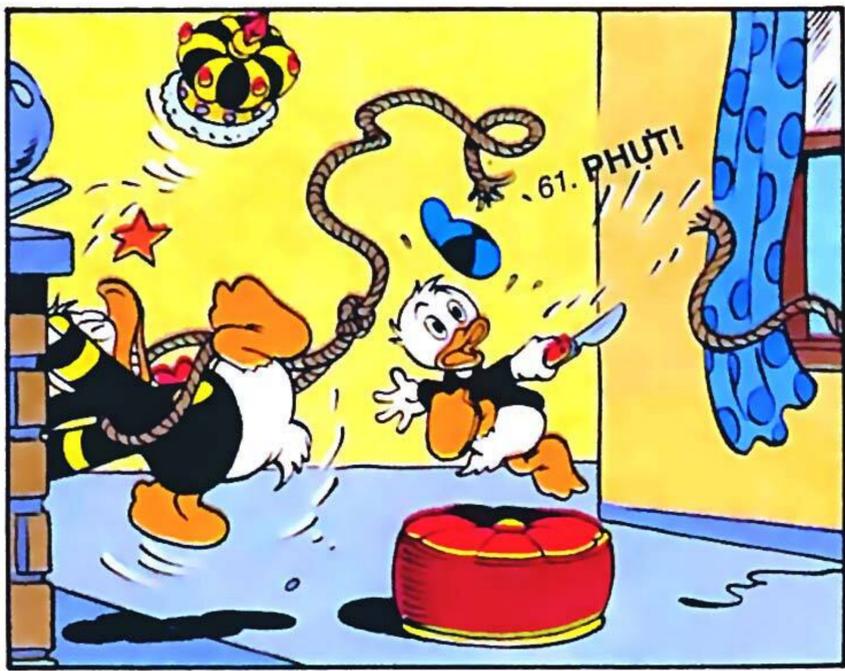
58. Đó đúng là câu mà chú đã nói!

59. May mà cháu có con dao nhíp hướng đạo sinh đây!

60. Đừng nói nữa, cắt dây đi!

57. Unca Donald, where... What the...?! 58. That's just what I said! 59. Lucky I've got my Junior Woodchuck penknife!

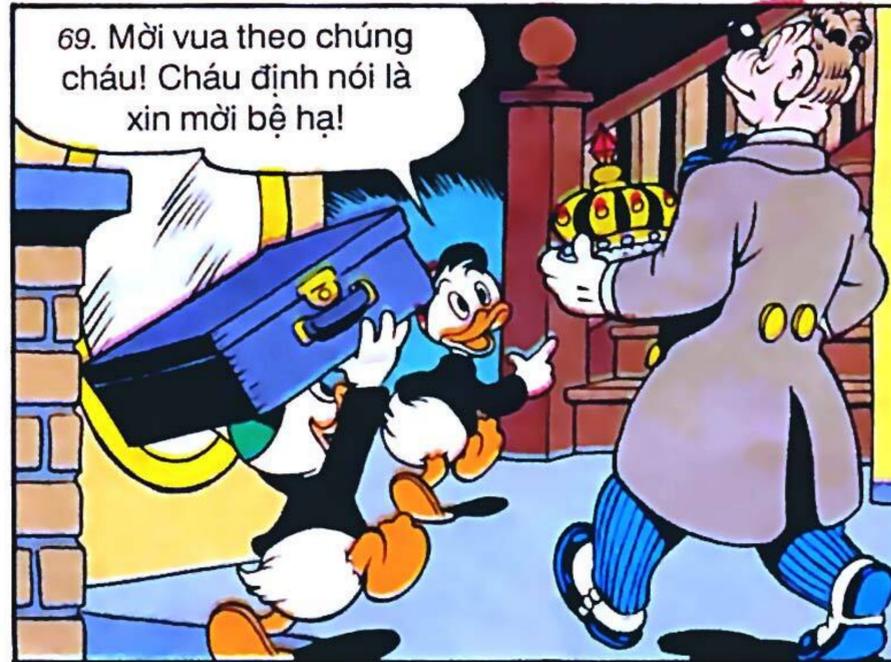
60. Stop talking and start cutting!



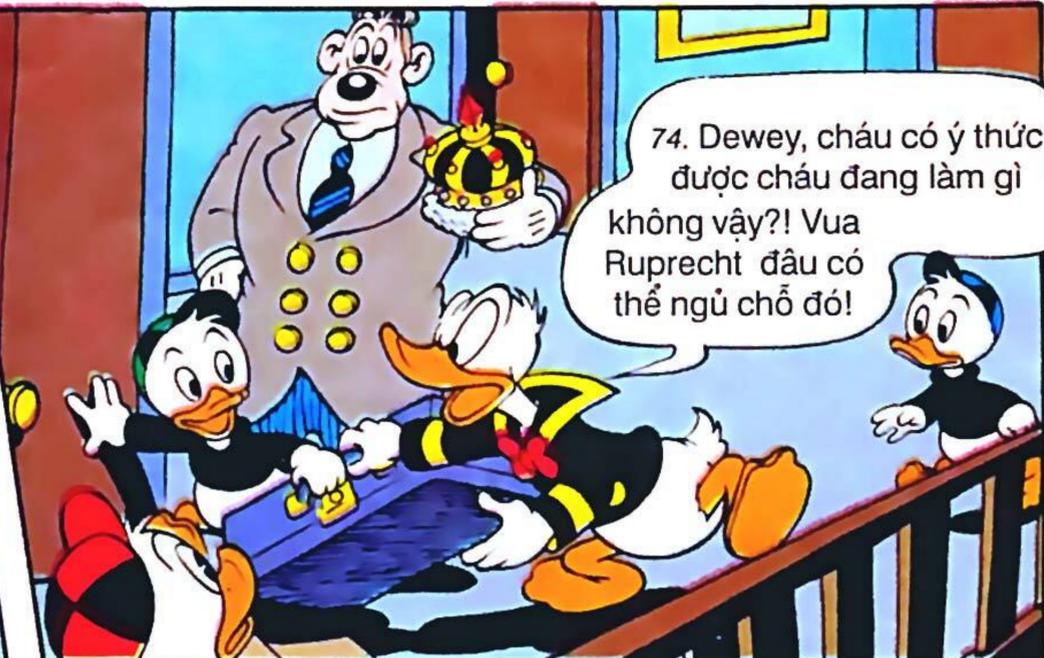
61. SNAP 62. What the...?! 63. That's exactly what we said!



64. It's not damaged! Thank goodness! What happened in here? 65. I'm not sure, but when I came in... 66. ...Uncle Donald had just been... mmmm! 67. Nothing to worry about, Your Highness! Dewey and Louie, why don't you show King Ruprecht to his room?! 68. SLAP



69. Follow us, king! I mean Your Highness! 70. What did you do that for?! 71. I'm sorry but I didn't want you saying anything that might scare the King away and stop him giving me the money!



72. I have to prove to Daisy that under this common, cheap, styleless facade I'm really very sophisticated! 73. You can sleep in here! 74. Dewey, what do you think you're doing?! King Ruprecht can't sleep in there!

75. Đức vua Ruprecht phải nghỉ trong căn phòng tốt nhất nhà! Ngài phải ngủ ở phòng chú mới được!



76. Ôi chà! Các người có cả trò chơi điện tử nữa! Thế có trò chơi "Những tên cướp không gian" không nào?

77. Những tên cướp không gian? Có chứ, nhưng nó đã cổ lỗ quá rồi!



75. King Ruprecht must have the best room in the house! He must have my bedroom! 76. Wow! You've got a games computer! You haven't got "Space Marauders", have you?! 77. "Space Marauders"? Yes, but it's really old fashioned!

78. Có lần ta bắt gặp một chú lính hầu chơi trò này! Trông thật là hấp dẫn! Để ta chơi một lát được không? Nhé?!



79. Và ngài có thể xếp hết quần áo, đồ đạc vào các ngăn tủ này! Các ông vua có mặc vest không? — Hê! Ông ta chuẩn đầu mắt rồi?!



78. I caught one of the footmen playing it once! It looked so exciting! Can I have a go? Please?! 79. And you can put your vests and things in the chest of drawers! Do kings wear vests? — Hey! Where's he gone?!

80. Được rồi, mình cho là chỉ có cách này để tìm ra thôi!

81. Đồ nè, đồ ác ôn xa lạ!

82. TÁCH



83. Ô! Áo vest! Và cả một cây ba-tuong nữa này! Chắc hẳn Vua Ruprecht sẽ chẳng phiền nếu mình...

84. Tuyệt quá! Trong triều đình, bạn đâu có được bắn tan xác các con quái vật!



80. Well I suppose there's only one way of finding out! 81. Take that, you alien scum! 82. Click 83. Wow! Some vest! And quite a walking stick too! I'm sure King Ruprecht wouldn't mind if I... 84. This is great! You're not allowed to blow monsters up at the court!

85. Thật là vừa khít! Và thoải mái hết sức! Từ nay trở đi mình sẽ chỉ mặc áo lông chồn trắng mà thôi!



86. Hừm! Chẳng biết là có phải không đây! Có khi nào mình và Vua Ruprecht đã bị tráo lộn từ thuở mới lọt lòng không nhỉ!



85. It's perfect fit! And so comfortable! I'm only going to wear ermine from now on! 86. Mmmm! I wonder if it's possible! Perhaps King Ruprecht and I were accidentally swapped when we were babies!



87. Cái ghế xác xược kia!
Hãy mau quỳ xuống
trước Đức vua Donald
thanh lịch!

88. Chú Donald, lại
đây và... Coi chừng!

89. Aaaaaa!

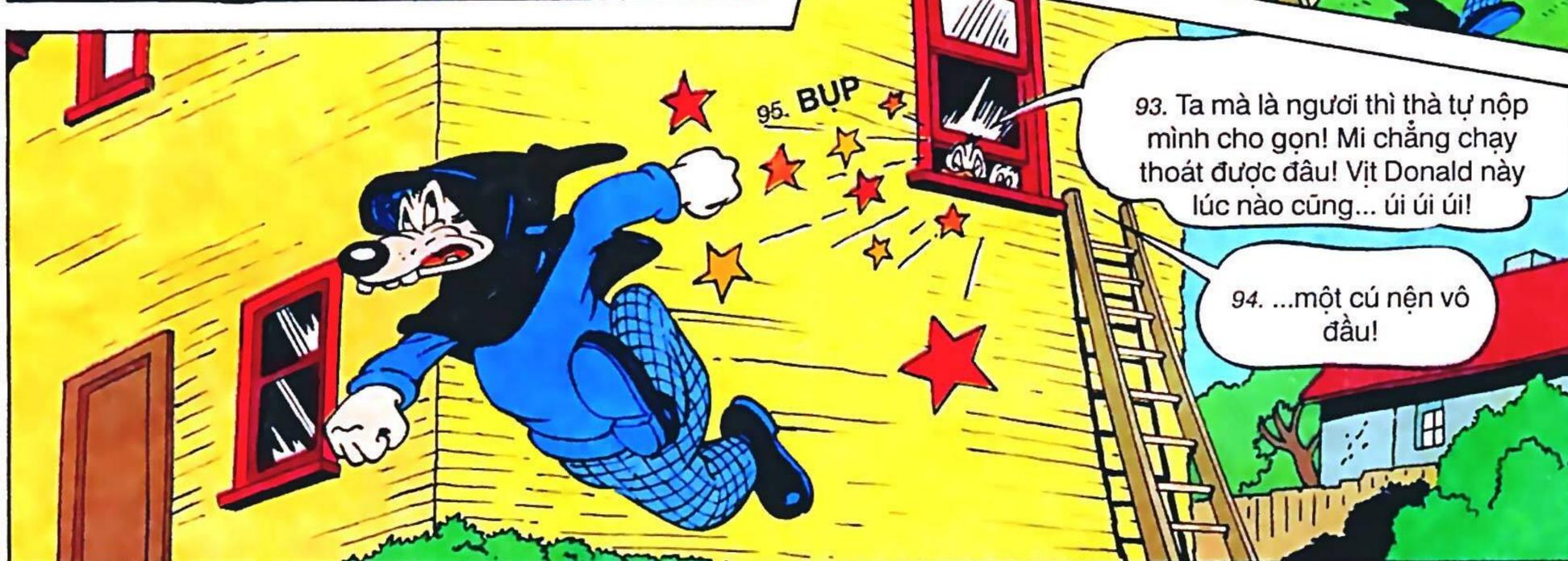
87. Impudent chair! Get down on your knees before King Donald the Sophisticated! 88. Unca Donald, come and... Look out!
89. Aaaaah!



90. Nếu nhà người là thợ nạo ống khói đang kiếm
việc làm thì quả là đã đi lộn
đường rồi đấy!

91. Cháu nghĩ là
không phải hẳn kiếm
việc làm đâu! Cháu
nghĩ là hẳn đang
bám sát chú đấy!

92. Mi chẳng phải từ bệnh
viện phụ sản tới đây, phải
không? Mò đến để làm rõ
một vụ tráo lộn hài nhi hả?

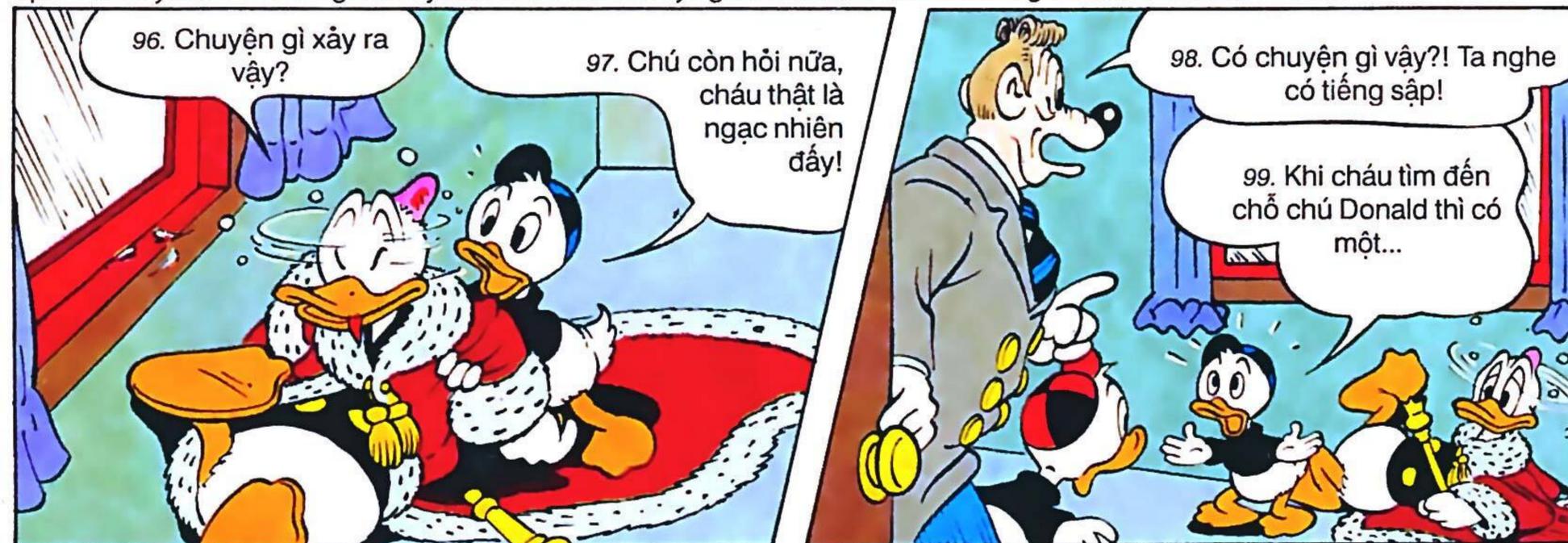


95. BUP

93. Ta mà là người thì thà tự nộp
mình cho gọn! Mi chẳng chạy
thoát được đâu! Vịt Donald này
lúc nào cũng... úi úi úi!

94. ...một cú nện vô
đầu!

90. If you're a chimney sweep looking for work, then you're going about it the wrong way! 91. I don't think he's after work! I think it was
you he was after! 92. You're not from the maternity hospital, are you? Come to clear up an accidental swapping?! 93. I'd give yourself
up if I were you! You can't get away! Donald Duck always gets... uhhhh! 94. ...a bang on the head! 95. CLUNK



96. Chuyện gì xảy ra
vậy?

97. Chú còn hỏi nữa,
cháu thật là
ngạc nhiên
đấy!

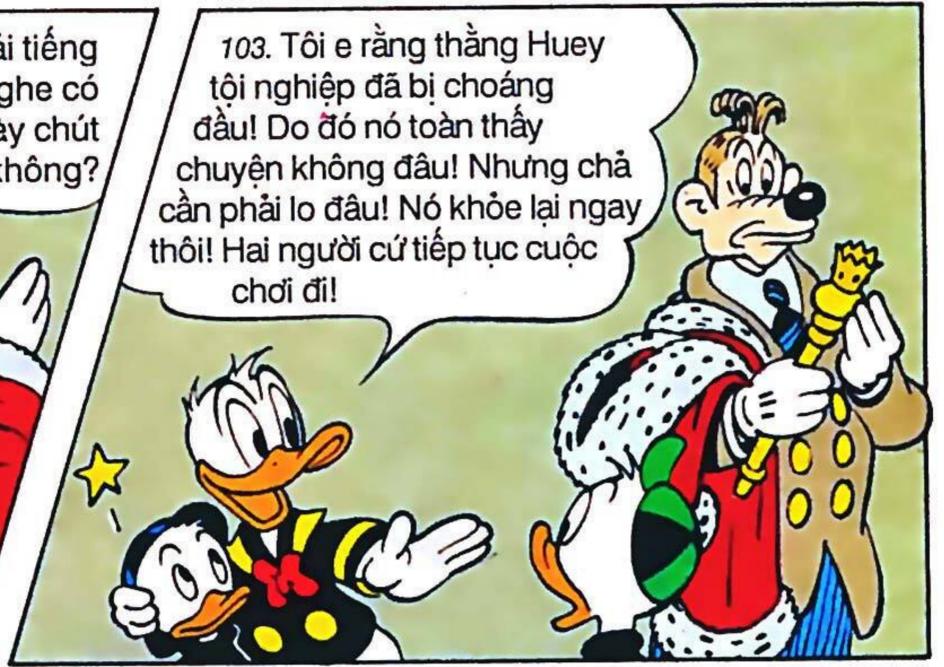
98. Có chuyện gì vậy?! Ta nghe
có tiếng sập!

99. Khi cháu tìm đến
chỗ chú Donald thì có
một...

96. What happened? 97. I'm surprised you still need to ask that! 98. What's going on?! We heard a clunk!
99. When I came in to get Unca Donald, there was a...



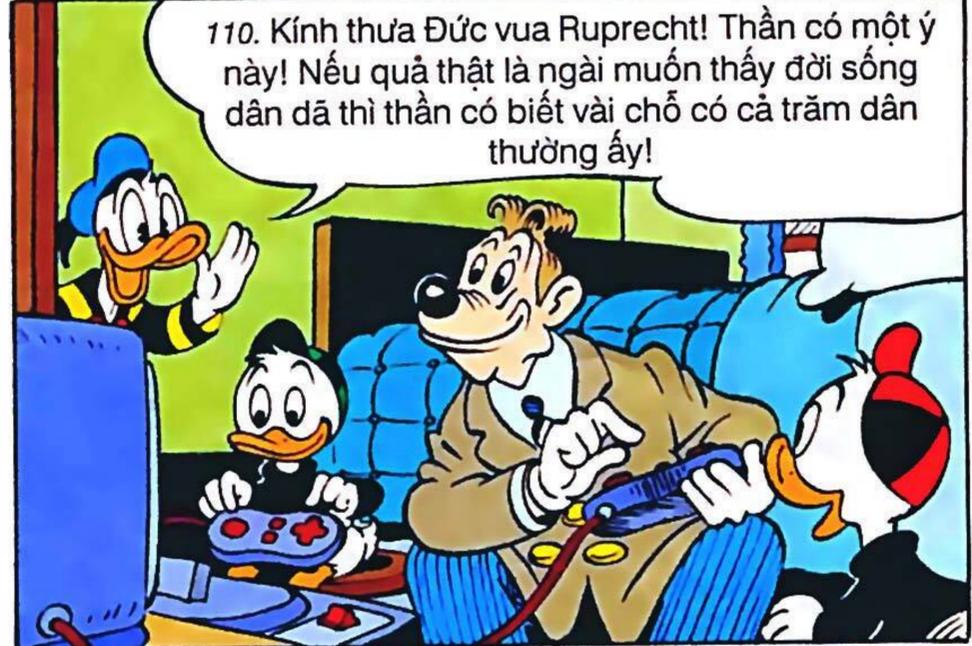
100. ...man dressed in black, climbing... Ow! 101. Did the clunk sound a bit like that?! 102. CLUNK 103. I'm afraid poor Huey got a bit of a bang on the head! It's made him see things! But there's no need to worry! He's fine now! You two go on with your game!



104. Why did you do that? Why won't you let me tell King Ruprecht someone's obviously trying to kidnap him?! 105. Oh, don't exaggerate, Huey! They're not trying to kidnap him! They probably just want his autograph! 106. Well, if they just want his autograph you won't mind if I tell King Ruprecht about it then! 107. No, Huey! Please don't! He might leave and then I'll never be able to prove to Daisy how sophisticated I am!



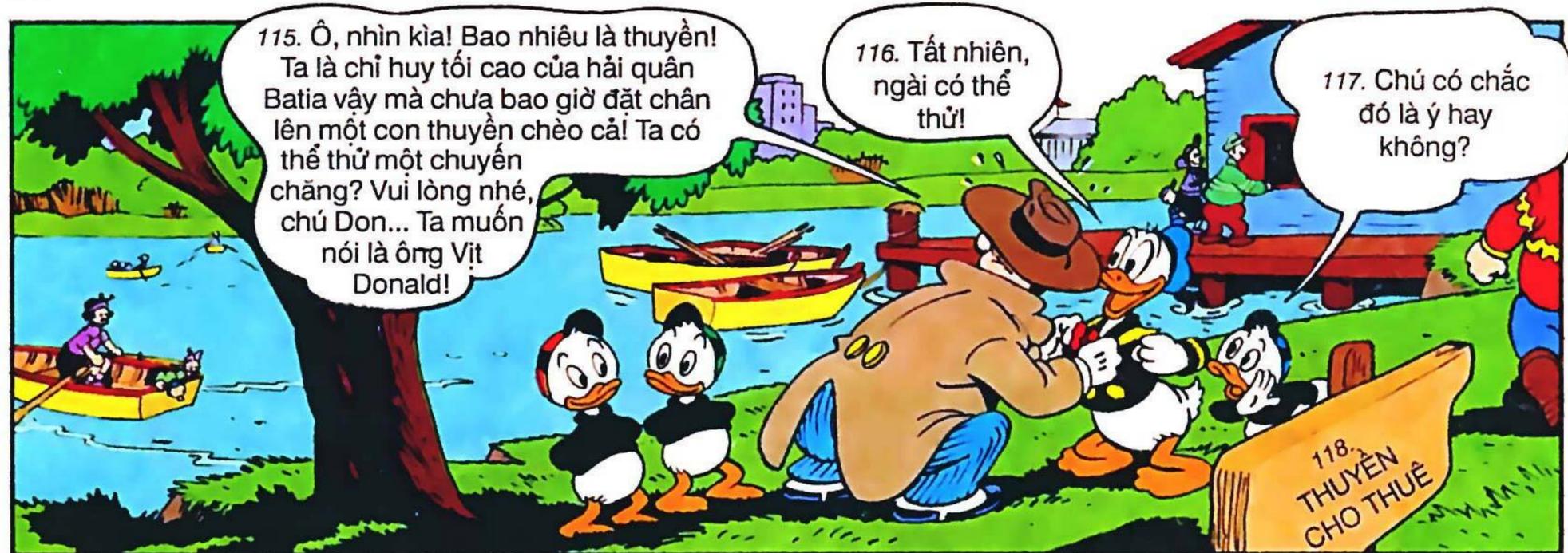
108. You won't be able to prove to Daisy how sophisticated you are if he gets kidnapped either! 109. You're absolutely right! We must take him somewhere safe!



110. King Ruprecht! I've had an idea! If you really want to see how common people live, I know somewhere there are hundreds of common people!



111. This is fabulous! I've never seen so many common people in one place at the same time! 112. And I don't have to shake hands with any of them! 113. I thought you were going to take him somewhere safe! 114. This is safe! No one would dare to kidnap him with so many people around!



115. Ô, nhìn kia! Bao nhiêu là thuyền! Ta là chỉ huy tối cao của hải quân Batia vậy mà chưa bao giờ đặt chân lên một con thuyền chèo cả! Ta có thể thử một chuyến chãng? Vui lòng nhé, chú Don... Ta muốn nói là ông Vịt Donald!

116. Tất nhiên, ngài có thể thử!

117. Chú có chắc đó là ý hay không?

118. THUYỀN CHO THUÊ

115. Oh, look! Boats! I'm supreme commander of the Batian navy but I've never been in a rowing boat! Can I have a go? Please Unca Don... I mean, Mr. Duck! 116. Of course you can! 117. Are you sure this is such a good idea? 118. BOATS FOR HIRE



119. Để ta chèo cho! Việc duy nhất ta thực tập khi ở nhà là cắt băng khánh thành!

120. Dĩ nhiên đó là ý hay chứ! Chãng kẻ nào có thể bắt cóc nhà vua ngay giữa một hồ nước!

121. A! Thế này mới là sống chứ, có phải không nào? Chãng phải bận tâm bắt cứ chuyện gì trên đời!

122. Ngoại trừ việc tê công vì giá băng! Rừừừ!

119. Bags me row! The only exercise I get at home is cutting ribbons with scissors! 120. Of course it's a good idea! No one can possibly kidnap him in the middle of a lake! 121. Ah! This is the life, isn't it!? Not a thing in the world to worry about! 122. Apart from catching frost bite! Brrrr!



123. Ô, xin lỗi nhé! Hãy mặc tạm áo và đội mũ của ta vậy! Chúng lót toàn lông chồn đấy!

124. Tốt, tôi thích áo lông chồn trắng hơn! Nhưng tôi cho là tôi có thể mặc tạm áo lông chồn này cũng được!

125. Có thấy ấm hơn không?

126. Vâng, xin đa tạ ngài! Tôi chỉ... Cái gì thế này...?!

127. BỒM

123. Oh, I'm sorry! Here! Have my hat and coat! They're mink lined! 124. Well, I prefer ermine! But I suppose I can make do with mink! 125. Feeling warmer? 126. Yes, thank-you! I was just... What the...?! 127. SPLOSH



128. Oái!

130. Cứu tôi với!

131. Nhanh lên! Bám theo chú ấy!

128. GASP!!! 129. SPLASH 130. Help! 131. Quick! After him!



132. Come on, King Ruprecht! Faster! 133. I'm trying but it's not easy! (Puff!) You use different muscles for cutting ribbons! (Wheeze!) 134. Hey! Let go of my uncle! 135. Just my luck! Kidnapped by triathletes!



137. Chúng kia kia! Chúng đang lôi chú ấy vào lùm cây kia đó!

136. Làm kiểu như vậy tụi bay sẽ chẳng đoạt được huy hiệu cứu hộ của hướng đạo sinh đâu!



138. Đâu phải ông ta đâu, bọn khùng này!

139. Ồ, không!

141. Nếu bọn bay không tìm ra nhà vua thì liệu hồn!

142. Thôi ổn cả mà, ái khanh! Ta ở đây nè!

140. RET

136. You wouldn't win a Junior Woodchuck life saving badge with this kind of performance! 137. There they are! They're taking him into that bush! 138. That's not him, you fools! 139. Oh no! 140. SCREECH 141. If you don't find him, I'll have you turned into sofas! 142. It's alright, dear! I'm here!



143. Sao ngài lại làm như vậy với em?! Sao ngài lại bỏ đi?! Ngài không biết là ngài còn có nhiều trọng trách sao?!

144. Ta muốn giới thiệu với các người Hoàng hậu xứ Batia, vợ của ta!

145. Ta rất tiếc không có thì giờ để bắt tay những người thường dân!

143. How could you do this to me?! How could you run away?! Don't you know you've got responsibilities?! 144. I'd like to introduce you to the Queen of Batia, my wife! 145. I'm sorry, but there's no time to shake hands with the commoners!



146. Đi thôi! Ngài còn có cuộc gặp với các nhân vật quan trọng nữa đấy! Còn phải đọc các bài diễn văn!

147. Bây giờ chắc các người đã hiểu vì sao mà ta lại thèm muốn cuộc sống như một thường dân trong chốc lát!



148. Bà ấy lúc nào cũng eo sèo và săn đuổi ta! Ta chẳng có lúc nào được yên thân! Ở với các người thật thú vị biết bao! Nếu như ta lại chuẩn đi được chuyến nữa, chúng ta sẽ lại tiếp tục cuộc chơi chứ?



149. Tôi nghe hết cả rồi đấy! Và câu trả lời là không! Ngài là một vị vua! Ngài còn có những nghĩa vụ phải thực hiện! Những khuôn phép phải giữ gìn! Những siêu thị phải khai trương!

150. Ối!



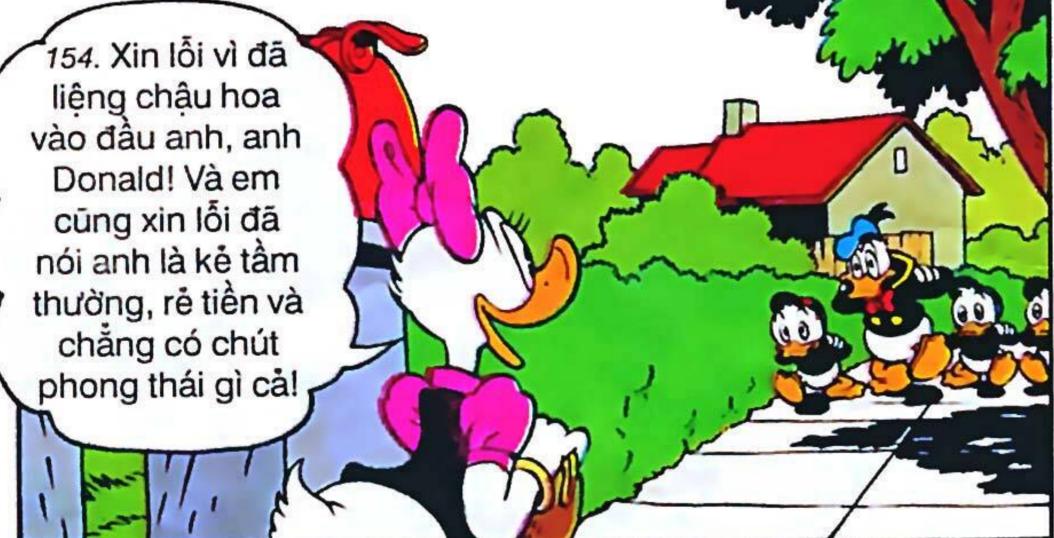
151. Tôi cam đoan là ông sẽ chẳng bao giờ còn tẩu thoát đi đâu được nữa! Tôi sẽ chẳng bao giờ để ông ra khỏi tầm mắt của tôi đâu!

152. Tội nghiệp ông ta, tất cả những gì ông ta muốn chỉ là được sống một cuộc đời bình thường mà thôi!

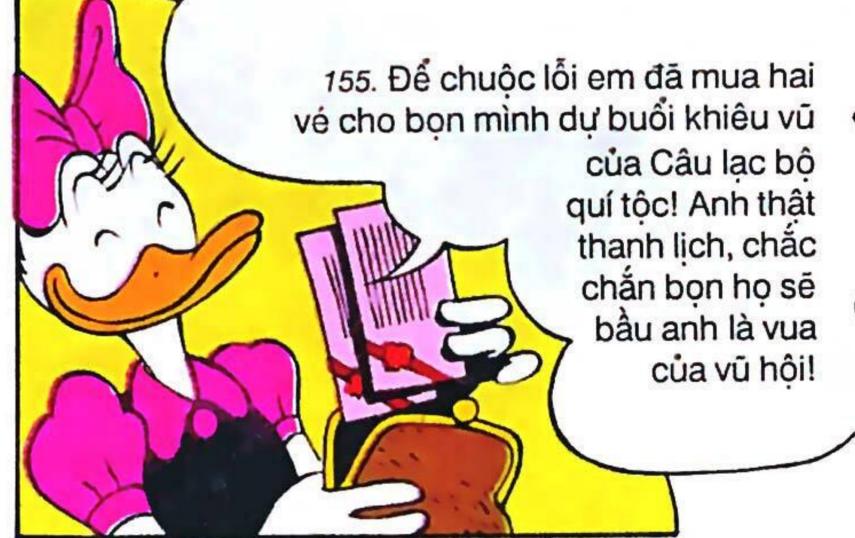
146. Come on! You've got VIP's to meet! Speeches to give! 147. Now may be you can see why I wanted to live like a common person for a while! 148. She's always nagging me and chasing after me! I can't get a moment's peace! It was such fun staying with you! Maybe,

if I can get away, we can do it again? 149. I heard that! And the answer's no! You're a king! You've got duties to perform! Standards to keep up! Supermarkets to open! 150. Ow! 151. I'm going to make sure you never run away again! I'm never going to let you out of my sight! 152. Poor bloke, all he wanted to do was lead a common, ordinary life!

153. Không lâu sau...

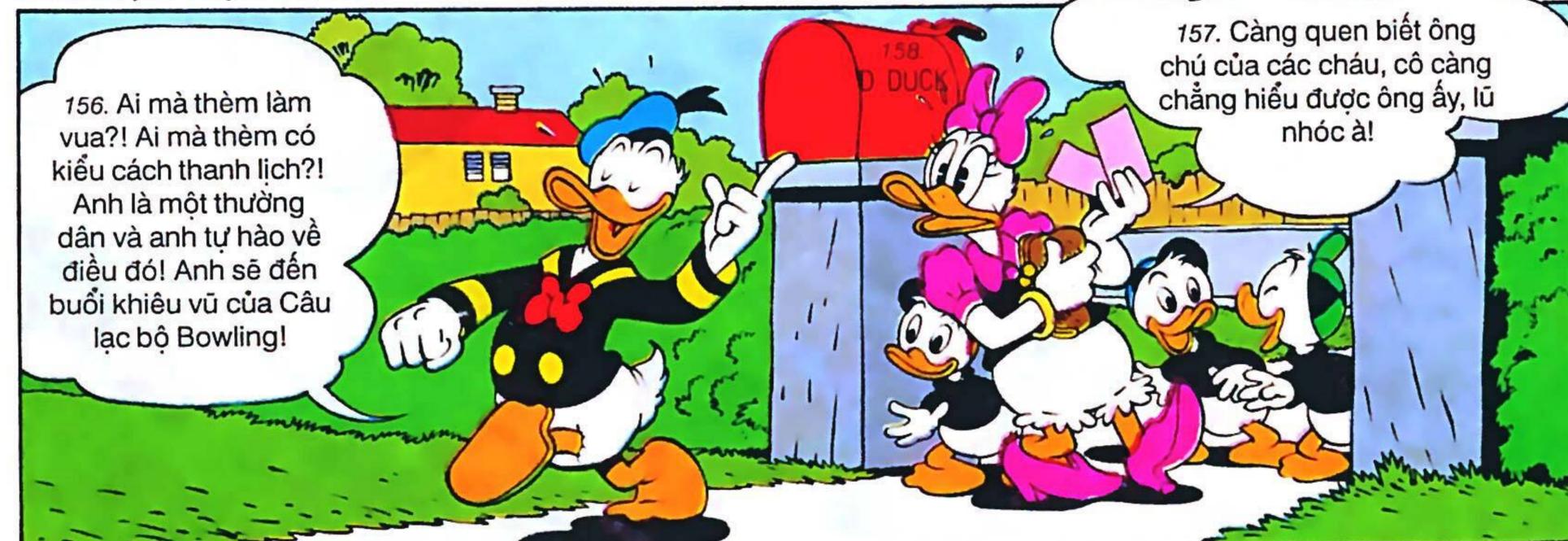


154. Xin lỗi vì đã liệng chậu hoa vào đầu anh, anh Donald! Và em cũng xin lỗi đã nói anh là kẻ tầm thường, rẻ tiền và chẳng có chút phong thái gì cả!



155. Để chuộc lỗi em đã mua hai vé cho bọn mình dự buổi khiêu vũ của Câu lạc bộ quý tộc! Anh thật thanh lịch, chắc chắn bọn họ sẽ bầu anh là vua của vũ hội!

153. Not long afterwar — 154. Sorry about the flower pot Donald! And I'm sorry I said you were common and cheap and had no style! 155. To make up for it I've bought us a couple of tickets to the Aristocrat's Club Ball! You're so sophisticated they're bound to crown you king of the ball!



156. Ai mà thèm làm vua?! Ai mà thèm có kiểu cách thanh lịch?! Anh là một thường dân và anh tự hào về điều đó! Anh sẽ đến buổi khiêu vũ của Câu lạc bộ Bowling!

157. Càng quen biết ông chú của các cháu, cô càng chẳng hiểu được ông ấy, lũ nhóc à!

156. Who wants to be a king?! Who wants to be sophisticated?! I'm common and I'm proud of it! I'm going to the Bowling Club Ball! 157. The more I get to know your uncle, boys, the less I understand him! 158. D. DUCK



CHUỘT MICKEY

Con chuột chống lại cả thế gian

Người dịch : TRƯỜNG HẢI



1. Sometimes the fates send your ship in with a torpedo attached — 2. Your Uncle Eusebius willed you a thousand dollars, Butch? Boy! That's swell! 3. Yeah! This letter tells about it! But I ain't glad! 4. NORFOLK STREET 5. GREEN STREET



6. My uncle always hated what a slob I was! So his lawyers are comin't' my house next week! 7. If they see I ain't cleaned up my act, I don't get th'dough! 8. 'Course, I ain't natcherally messy!



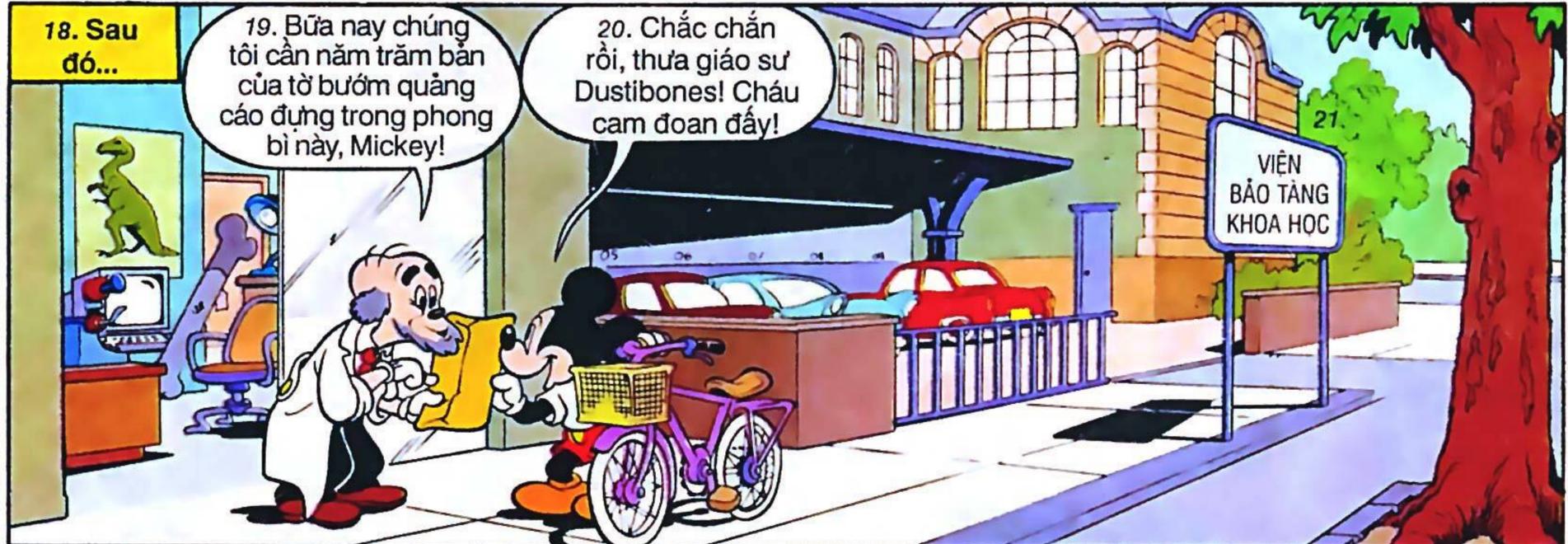
9. YEEEEK! 10. Huh?! 11. But I ain't natcherally dat neat, either! 12. Dat was my former cleanin' lady, Mickey!



13. In Butch's home — 14. I >Gulp!< see why she ran, Butch! This place looks like Custer's Last Stand! 15. Yeah! What I need's someone t'remind me t'clean up when th'place gets too messy!



16. To remind you, eh? Say! I think I can arrange that! 17. But it'll hafta wait 'til I've finished with my delivery-boy job for today!



18. Shortly — 19. Today we need five hundred copies of the flier in this envelope, Mickey! 20. Sure thing, Professor Dustibones! It's a done deal! 21. MUSEUM OF SCIENCE



22. Good thing the Prof. gave me this job! Maybe it'll slow my urge t'go off adventuring! 23. For a while! 24. A week, maybe! 25. Here's the museum's new flier, Joe! Print five hundred copies, an' I'll pick 'em up tomorrow! 26. BUSY-BEE PRINTERS

27. Xong việc, Mickey về thẳng căn gác xếp của mình...



28. Ha! Cuốn sách cũ của mình về những vần thơ khuyên nhủ! "Lũ ngu ngốc và cách sống của họ!"



29. "Hãy nhìn chuột Randolph đáng sợ! Hắn ăn những món đầy dầu mỡ! Mớ tóc không hớt bù xù trông thảm hại! Hắn đánh răng đâu hồi năm ngoái!"

27. After work, Mickey heads straight for his attic — 28. Aha! My old book of cautionary rhymes! "Dopes And How To Be Them"! 29. "Behold revolting Randolph Rat! The food he eats is full of fat! His uncut hair's a mop of woe! He brushed his teeth last year or so!"



30. "Khi Randolph đi vào thành phố, tôi ở! Tôi phải lánh xa hàng cây số!" Ha-ha-ha!

31. Trời đất ơi! Tức cười thật!



32. Cái này kêu bằng sự tự kỷ ám thị đó, Pluto! Bọn trẻ sẽ nhớ lại những vần thơ đó trước khi chúng làm việc gì hư đốn!

30. "When Randolph comes to town, I stay! In deep seclusion" >heh-heh-heh! < "miles away!" 31. Boy! What-ta laugh! 32. It's called delayed suggestion, Pluto! Kids remember th'rhymes before tryin' somethin' naughty!



33. Và rồi chúng sẽ không làm chuyện đó nữa, vì chúng sợ rằng cuối cùng sẽ giống những thằng nhóc hư đốn mà chúng đã đọc trong sách!

34. Bây giờ bắt đầu làm việc!



35. Vì những bài thơ trong sách không có nói đến những thói xấu của Butch, nên Mickey phải sáng tác những vần thơ mới mẽ cho phù hợp...

36. "Khi bữa ăn của Hiram Hound kết thúc, máy nghiền thức ăn dư không hề nhúc nhích! Bữa ăn của nó còn lại! Thức ăn còn vương vãi trên bàn — và trên sàn!"

33. Then they don't do it, 'cause they're afraid o' endin' up like th' brats they've read about! 34. Now to get down t'work! 35. Since the book's poems don't deal with BUTCH'S bad habits, Mickey has to write new rhymes for the job — 36. "When Hiram Hound was done with lunch, The trash disposal didn't crunch! His meal's remains! They lingered o'er! The plywood table — and the floor!"



37. Nhiều giờ trôi qua...

38. "Vả rồi ả cóc Felicia đó, thấy căn nhà mình giờ thành một bãi lầy! Ả lê lét đi trong bụi bặm, mà chẳng bao giờ chịu quét dọn! Và bây giờ, giữa sự bẩn thỉu, ả khóc!"

39. Ha... ha! Tuyệt vời!



40. Sáng hôm sau...

41. Mình sẽ đặt tên cuốn sách là "Những chuyện xấu xa của những đứa trẻ tệ hại"! Bây giờ tới phần hình ảnh!

37. Hours pass — 38. "And so it was that Felicia Frog, found her house was now a bog! She'd tracked in dirt, and never swept! And now, amid the grime, she wept!" 39. Heh-heh! Perfect! 40. Next morning — 41. I'll call my book "Vile Tales of Viler Children"! Now for the pictures!

42. Chẳng bao lâu sau...



43. Ừa, Butch , cuốn sách có nhiều cái vui lắm! Nhưng điều quan trọng là nó sẽ đọng lại trong trí óc của cậu...



44. ... mỗi khi cậu định làm những điều mà chú cậu sẽ không ưa! Như thế là có tờ ở đó để nhắc nhở cậu vậy!

45. Chà!

42. Soon — 43. Yeah Butch, it's a lotta laughs! But what's important is it'll stick in your mind... 44. ...when y'start doin'things your uncle wouldn't like! Just as if I was there to remind you! 45. Huh!



46. Mình sẽ đưa Butch cuốn sách của mình sau khi đã làm xong việc giao hàng bữa nay cho viên bảo tàng!



47. Phải, một ngàn bản có đóng bìa, Joe à! Đó là một cuốn sách bìa bọc vải phù hợp với một cuộc triển lãm đặc biệt!

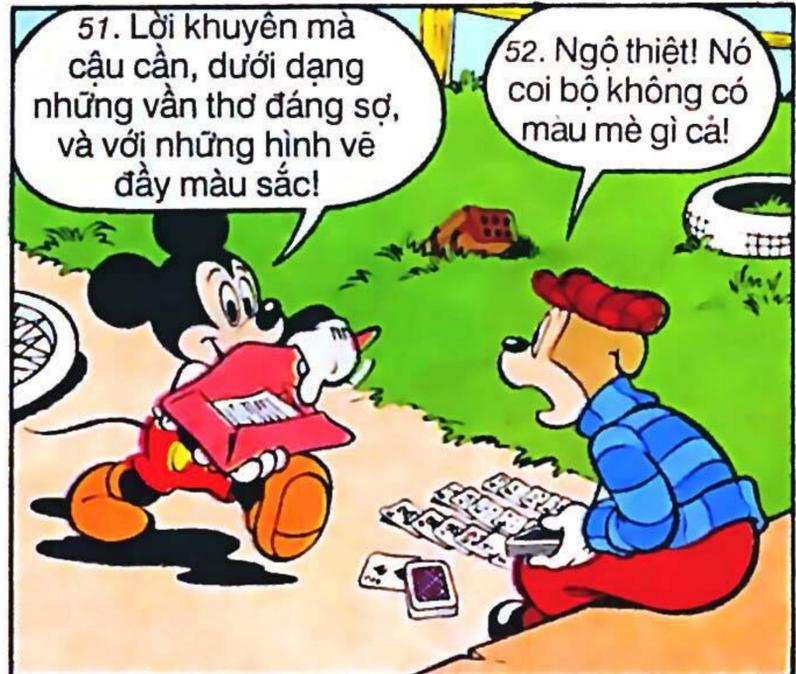
48. NHỮNG THƠ IN BẠN RỘN

46. I'll give him my book after making today's deliveries for the museum! 47. Yeah, a thousand bound copies, Joe! It's a hardback to go with a special exhibit! 48. BUSY-BEE PRINTERS



50. Chào, Butch! Đây là chiếc chìa khóa cho vận may của cậu!

49. Ít lâu sau...



51. Lời khuyên mà cậu cần, dưới dạng những vần thơ đáng sợ, và với những hình vẽ đầy màu sắc!

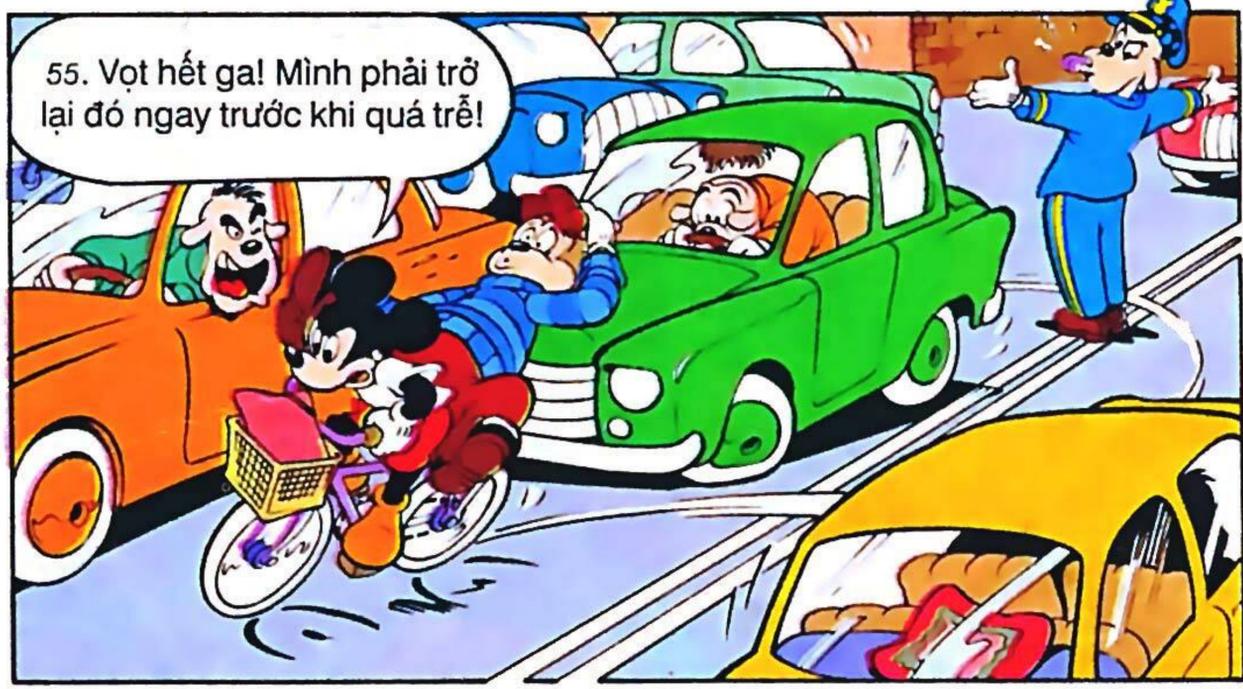
52. Ngộ thiệt! Nó coi bộ không có màu mè gì cả!

49. Some time later — 50. Hiya, Butch! Here's th' key to your good fortune! 51. Th'advice you need, all in revolting rhymes with colorful pictures, too! 52. Funny! It don't look so colorful!



53. Nó không có màu! Ô, quý thiệt!

54. Tớ đã đưa lộn sách cho mấy ông thợ in rồi!



55. Vọt hết ga! Mình phải trở lại đó ngay trước khi quá trễ!

53. It doesn't!! Ye cats! 54. I gave the printers the wrong book! 55. Full speed ahead! We gotta hurry back there before it's too late!



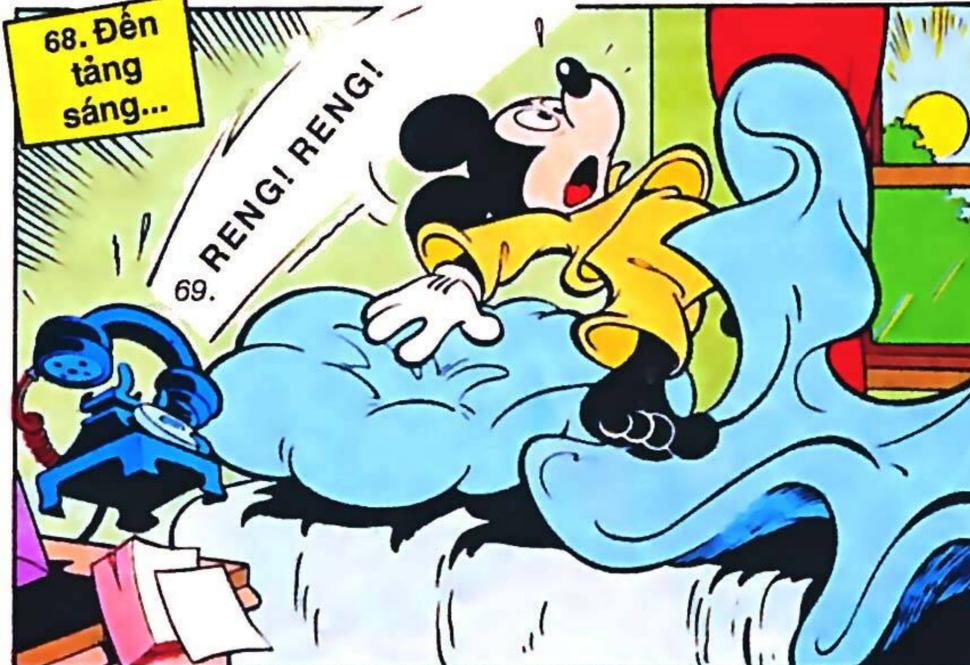
56. But alas! 57. A thousand copies of "Vile Tales of Viler Children", an' I'll have to pay for 'em! 58. Guess I am too late! 59. INK



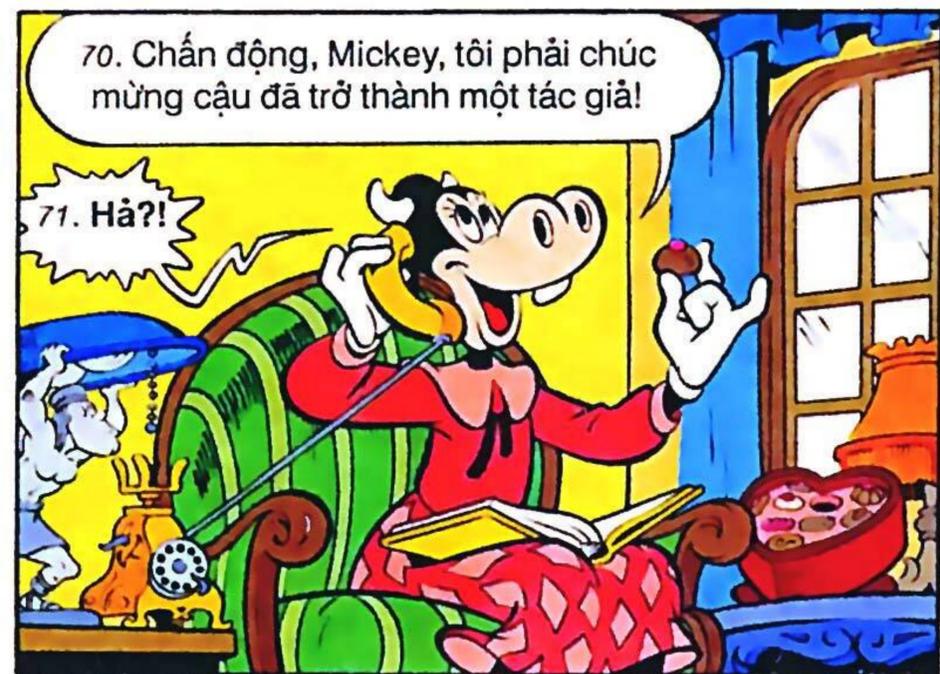
60. Now I'm broke 'til I sell these! Of all the dumb bunnies, I take the prize! 61. But success does come, if slowly — 62. We visited thirty bookshops! Each took a hundred copies! An' here's yours, Butch!



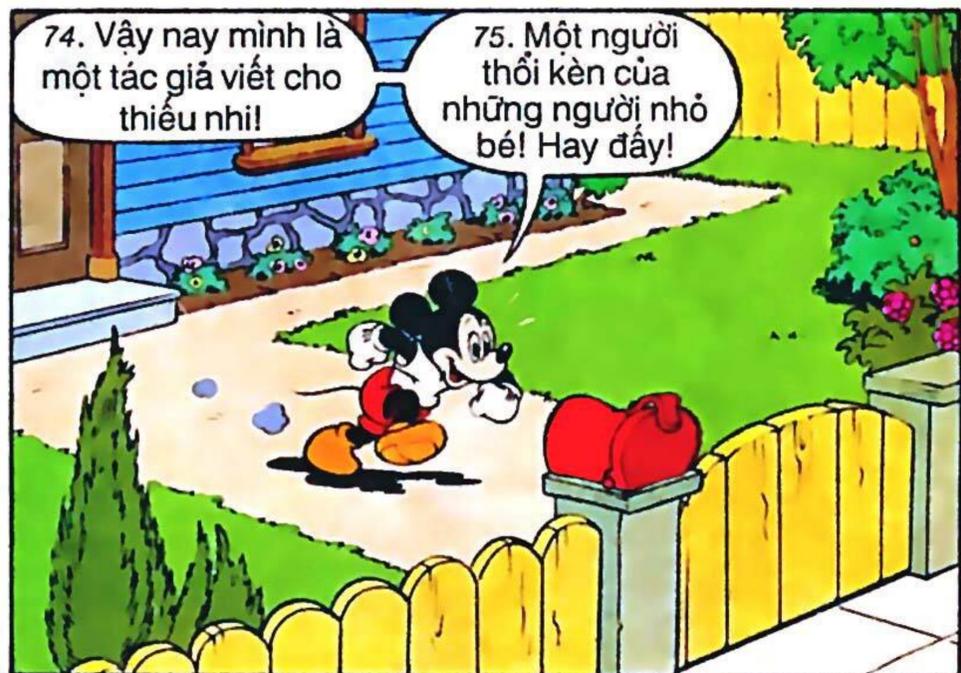
63. If them books don't sell, you'll be seein' em again! 64. Aw, be optimistic! What else could go wrong? 65. What, indeed? 66. Yaa-aawn! See y' later, Butch! I gotta catch forty winks!



67. From delivery boy to author! What a difference a day makes! 68. Comes the dawn — 69. Rrrriinnngg!!



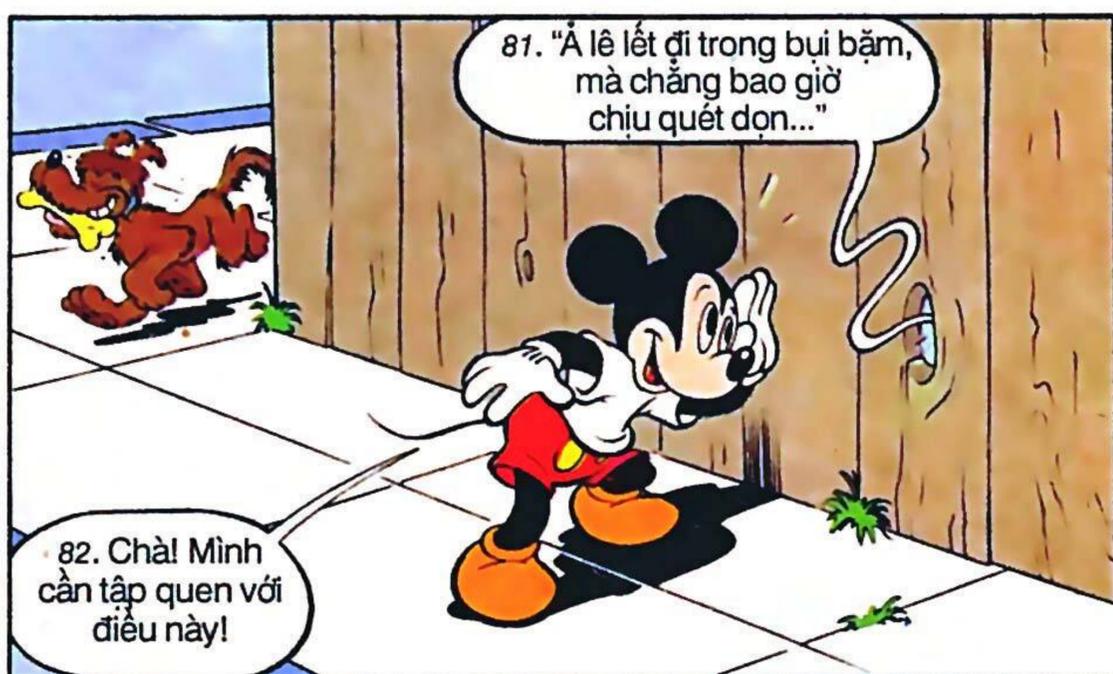
70. Land sakes, Mickey, I had to congratulate you on bein' an author! 71. Huh?! 72. Patricia bought her girl a copy this mornin'! She's been tellin' everybody about it, an' now every kid wants one!



73. Every kid wants my Vile Tales! Well, ol' boy, you've found yerself a calling! 74. So I'm now a children's author! 75. A piper of pipsqueaks! Not bad at all!



76. Afternoon, Mickey! Hope y' don't mind my spreadin' the word that you're an author! 77. Not at all, Patricia! Thanks t' you, every mom in town's helpin' my bank account get back t' normal! 78. WANTED BIG BAD PETE 79. Vile Tales of Viler Children



80. Kids love your book! That's the important thing! 81. "She'd tracked in dirt, and never swept..." 82. Hot dawg! I could get used to this!

83. Trong vài ngày sau đó, cuốn sách của Mickey thật sự "cát cánh"... như những cuốn sách bán chạy nhất! Chẳng mấy chốc mà mỗi gia đình đều có một cuốn...



84. "Khi bữa ăn của Hiram Hound kết thúc..."



85. "...máy nghiền thức ăn dư không hề nhúc nhích..."

83. Over the next few days, Mickey's book really "takes off" — as bestsellers do! Soon every family has a copy — 84. "When Hiram Hound was done with lunch..." 85. "...his trash disposal didn't crunch..."

86. Trong bệnh viện thành phố...



87. Rối loạn ở Khoa Sản, thưa ngài!

88. Các em bé bị đặt lộn chỗ! Con của Fred thì lại giao cho Floyd!



89. Và không có gì đáng ngạc nhiên cả! Hừ! Các nhân viên của tôi đều đang đọc cuốn sách đó!

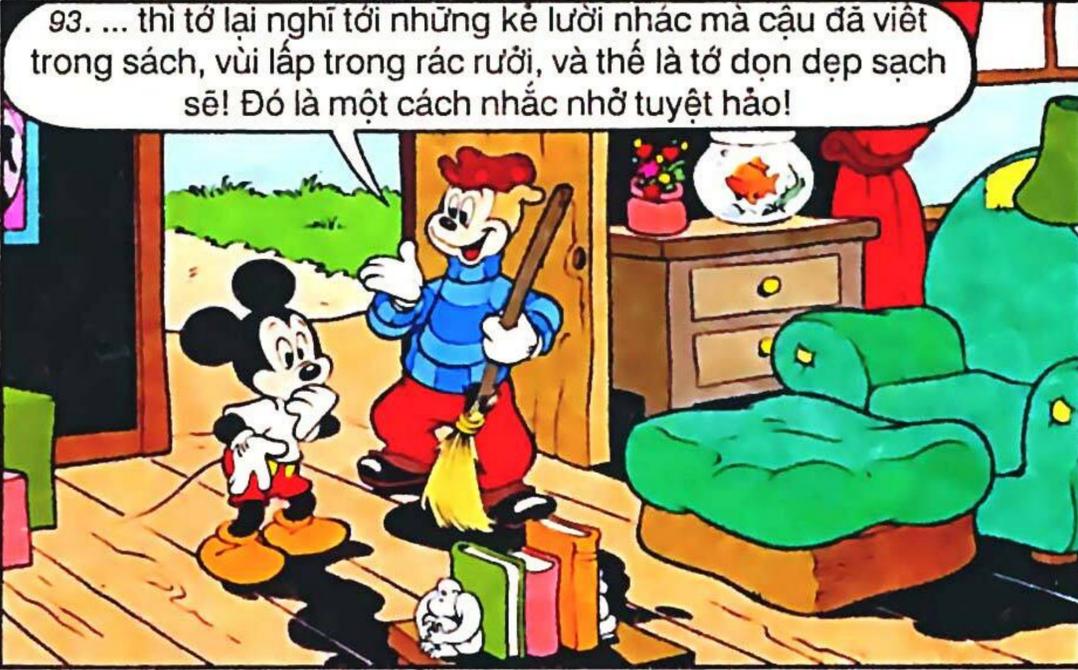
90. Oe! Oe!

86. In the city hospital — 87. Chaos in the maternity ward, sir! 88. Babies're going in the wrong cribs! Floyd got Fred's son! 89. An' no wonder! >Snort!< My staff's all readin' that book! 90. Baw!

91. Trong khi đó...



92. Ủa! Cách đó có hiệu quả, Mickey! Hãy đến mà coi! Cứ mỗi khi tớ bắt đầu gây ra sự bầy hầy...



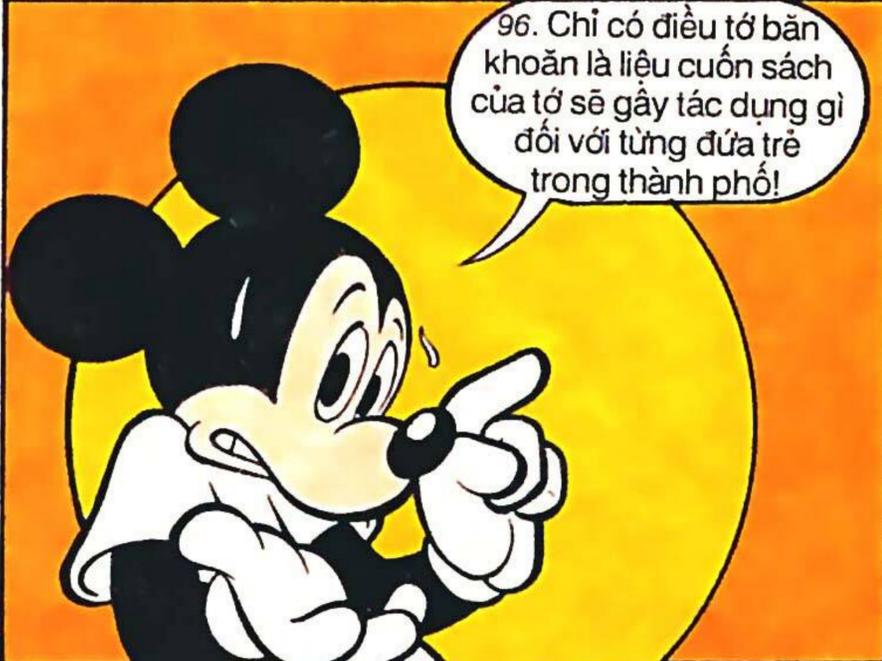
93. ... thì tớ lại nghĩ tới những kẻ lười nhác mà cậu đã viết trong sách, vùi lấp trong rác rưởi, và thế là tớ dọn dẹp sạch sẽ! Đó là một cách nhắc nhở tuyệt hảo!

91. Meanwhile — 92. Yep! It's workin' Mickey! Come over an' see! Every time I start t'make a mess... 93. ...I think o' th' slobs ya wrote about, buried in trash, an' I clean up! It's a perfect reminder!



94. Tớ sẽ gọn gàng và đẹp đẽ trước mắt các luật sư của chú tớ! Cậu vui lòng chưa?

95. Chắc chắn là vui rồi!



96. Chỉ có điều tớ băn khoăn là liệu cuốn sách của tớ sẽ gây tác dụng gì đối với từng đứa trẻ trong thành phố!

94. I'll be neat an' pretty for me uncle's lawyers! Ain't y' glad? 95. Y-yeah! Sure! 96. Only I wonder just what effect my book'll have on every kid in town!



97. Tác dụng gì? Ta hãy xem! Bởi vì trong khi lũ trẻ say mê cuốn "Những chuyện xấu xa của những đứa trẻ tệ hại" thì...



98. Kỹ thuật tự kỷ ám thị của Mickey đã làm trí tưởng tượng của lũ trẻ tới tình trạng kích động cao độ...

97. What effect? Let's see! For while kids like "Vile Tales of Viler Children" —

98. Mickey's delayed suggestion technique has fired their imaginations to a fever pitch —



99. Áaaa!
100. CON MIỄN VÀO

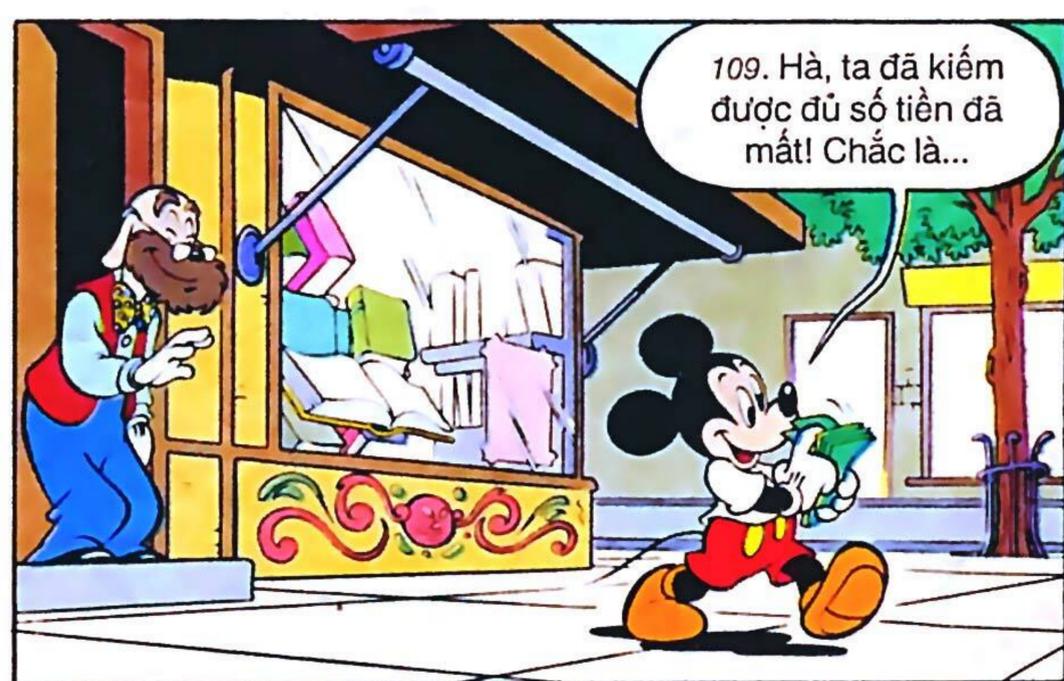


102. Má ơi! Má! Cuốn sách mới đó cho con thấy toàn ác mộng!
103. Ồ, vậy ư?

99. Whah! 100. JUNIOR 101. KEEP OUT 102. Mommy! Mommy! That new book gave me nightmares! 103. Oh, so?

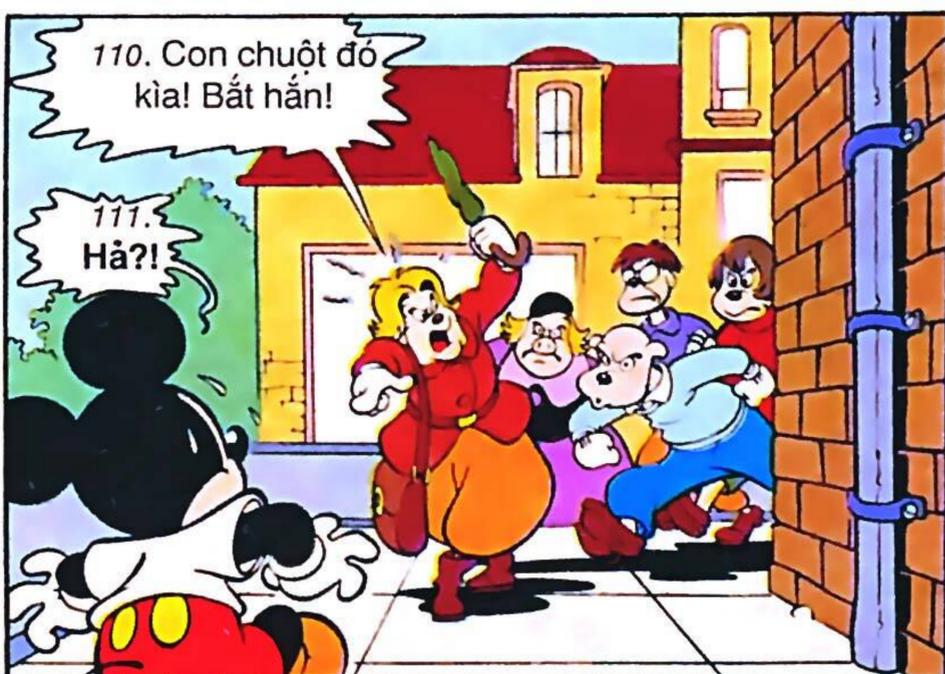


104. Đến buổi sáng...
105. Đúng vậy, June! Cháu Robbie bé bỏng của tôi khóc suốt đêm!
106. Bạn hiểu rồi đó, Hank! Thành con tôi đang trong cơn kích động!
107. Tám đứa nhóc của tôi cũng vậy!
108. Và Chuột Mickey phải chịu trách nhiệm!



109. Hà, ta đã kiếm được đủ số tiền đã mất! Chắc là...

104. When morning comes — 105. Yeah, June! My little Robbie cried all night! 106. You got it, Hank! My boy's in a uproar! 107. So's my eight kids! 108. An' Mickey Mouse is responsible! 109. Well, I've earned back my lost money! I guess that's...



110. Con chuột đó kia! Bắt hắn!
111. Hà?!

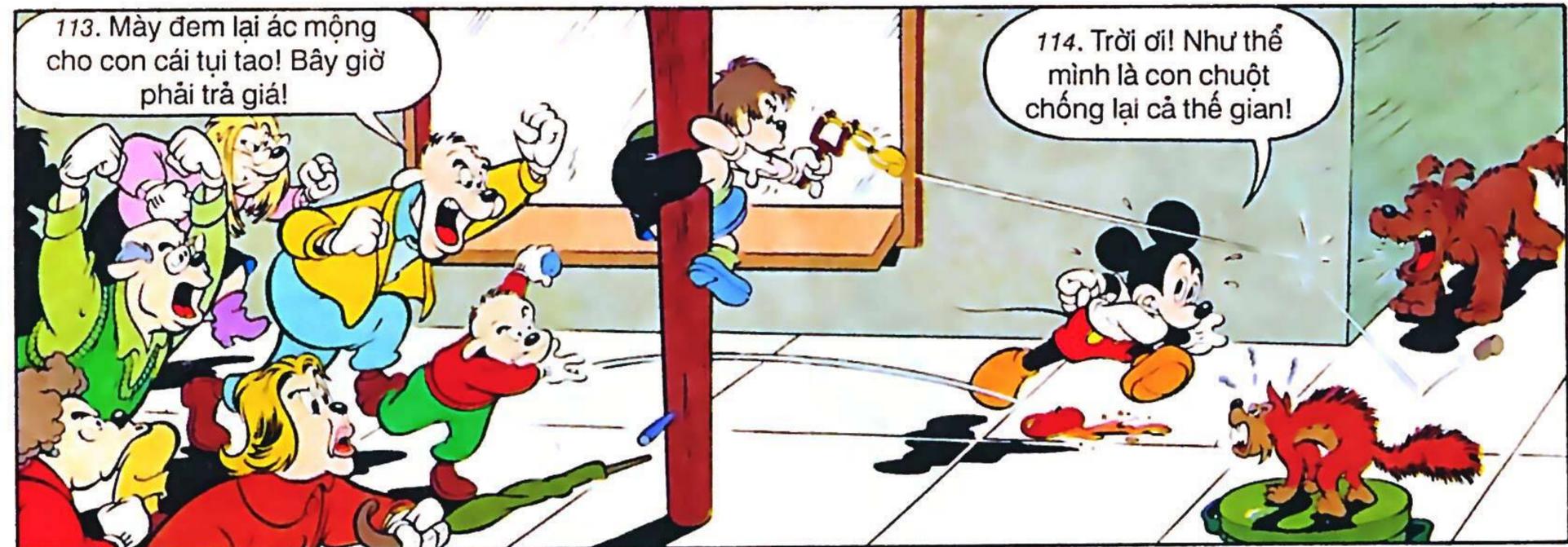


112. Sẽ ổn thôi! Sẽ ổn thôi! Sẽ ổn thôi!

110. There's that Mouse! Get him! 111. Huh?! 112. Well, I'll be! Well, I'll be! Well, I'll be!

113. Mày đem lại ác mộng cho con cái tui tao! Bây giờ phải trả giá!

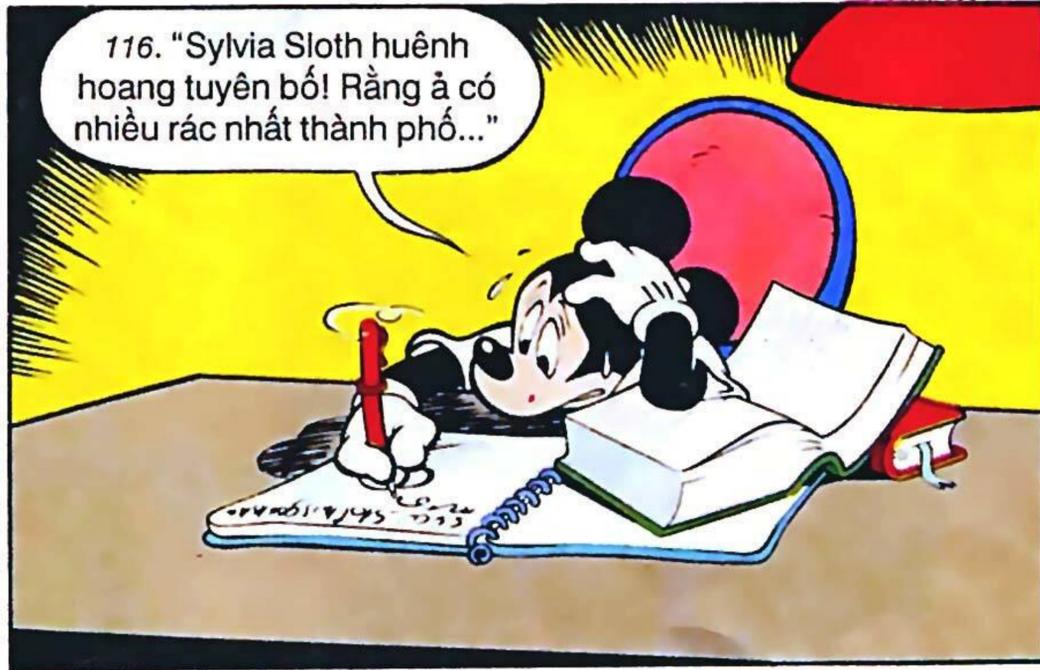
114. Trời ơi! Như thể mình là con chuột chống lại cả thế gian!



113. You gave our kids night-mares! Now face the music! 114. Fer gosh sakes! It's like I'm a mouse against the world!

115. Thoạt tiên họ thích mình, rồi họ lại ghét mình! Giờ đây chỉ còn một giải pháp duy nhất mà thôi!

116. "Sylvia Sloth huênh hoang tuyên bố! Rằng ả có nhiều rác nhất thành phố..."

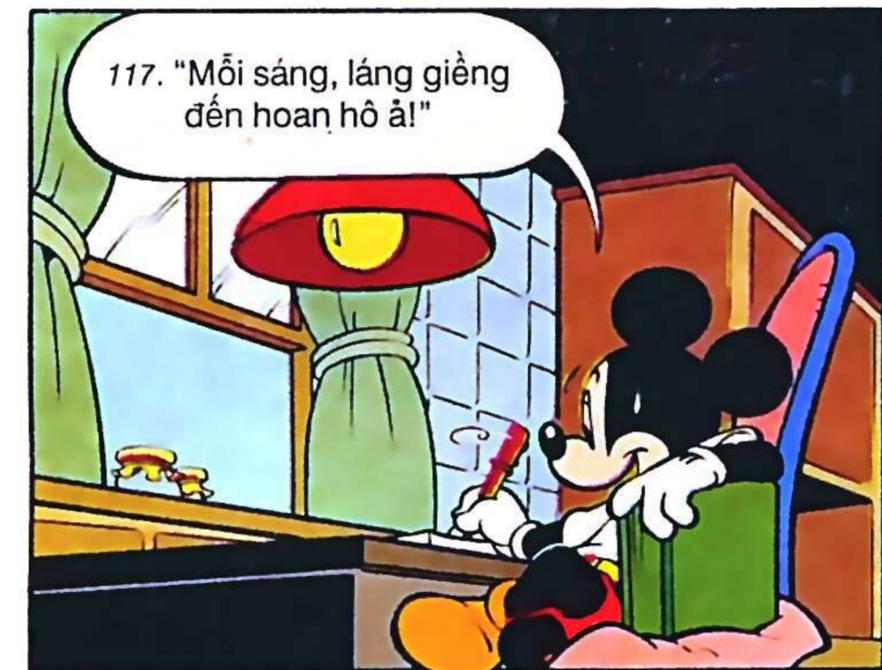


115. First they love me, then they hate me! I can only think o' one solution! 116. "Sylvia Sloth is glad to boast! The trash she owns is near the most —"

117. "Mỗi sáng, láng giềng đến hoan hô ả!"

118. Sau nhiều giờ làm việc cật lực...

119. Mình không muốn khuyên lũ trẻ trở thành lười nhác! Nhưng phải có cách nào đó để phủ định những tác dụng của cuốn sách của mình!



117. "In all the city! Every morn! The neighbors come to cheer her on!" 118. After hours of grueling work — 119. I don't like advisin' kids t' be slobs! But I gotta contradict th'effects o' my book somehow!

120. Và để làm được điều đó, mình sẽ phải xuất bản những vần thơ mới!

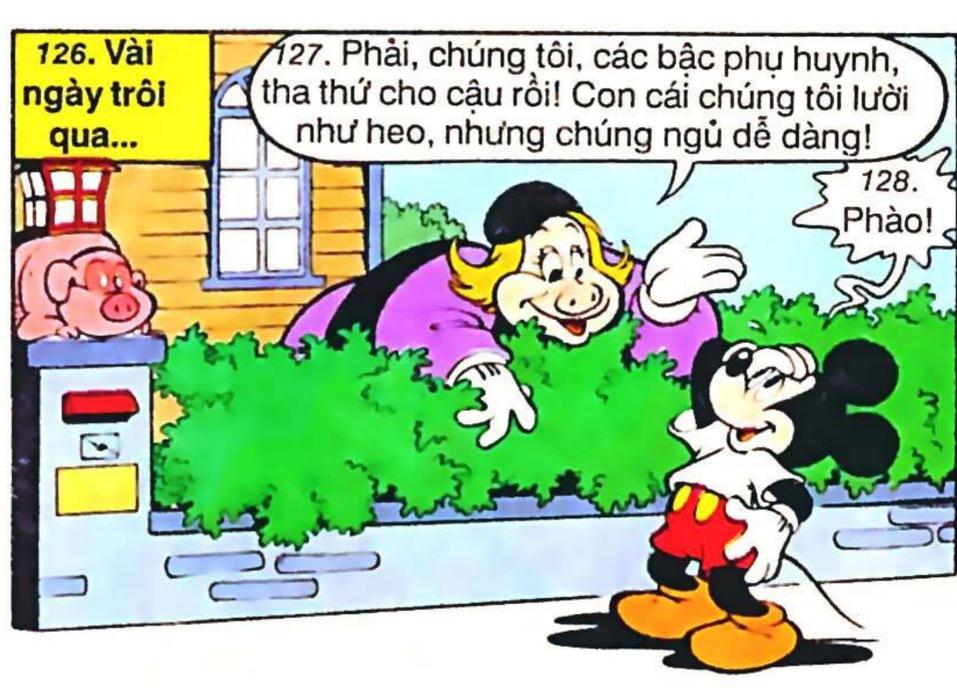
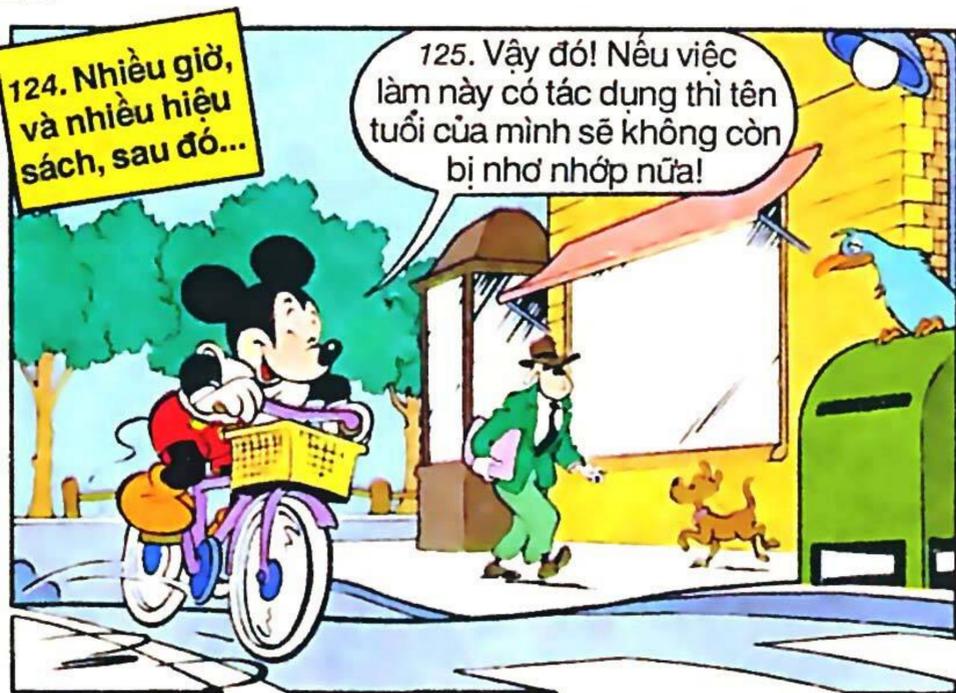
121. Xin in giùm một ngàn cuốn!

122. NHỮNG THỢ IN BẬN RỘN

123. Cuốn sách có tựa là "Hãnh diện là kẻ nhếch nhác", thưa bà Spink! Xin nhờ bà tặng không cuốn này cho những ai đã mua cuốn sách vừa qua của tôi!



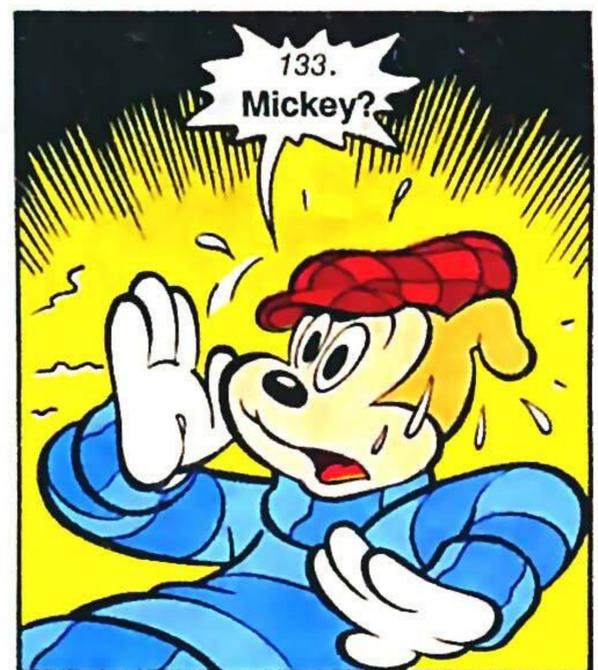
120. An'to do it, I'll have to publish new rhymes! 121. A thousand copies, please! >Gulp!< 122. BUSY-BEE PRINTERS 123. It's called "Proud To Be Messy", Mrs. Spink! Please give it free to everyone who bought my last book here!



124. Many hours, and bookshops, later — 125. That's that! If this works, my name won't be mud anymore! 126. A few days pass — 127. Yep, we parents forgive you! Our kids are pigs, but they sleep easy! 128. Phew!



129. Just one problem, I'm broke! But Butch is rich! He'll give me a loan 'til my next paycheck! 130. Hiya, Mickey! Pois' nally, I like yer second book more'n the first!



131. I picked up "Proud T' Be Messy" yesterday! Boy, I loved it! 132. So I told them lawyers t' buzz off! Better t' stay a slob, Mickey! 133. Mickey?



134. Far into the night — 135. When it comes t' books, I should have known — at writing, I'm too good! Come here an' take what's coming, Butch! I promise I won't hurt ya — much! 136. CITY LIMITS



VỊT DONALD

Sùng bái anh hùng

Người dịch: XUÂN QUANG



V95206

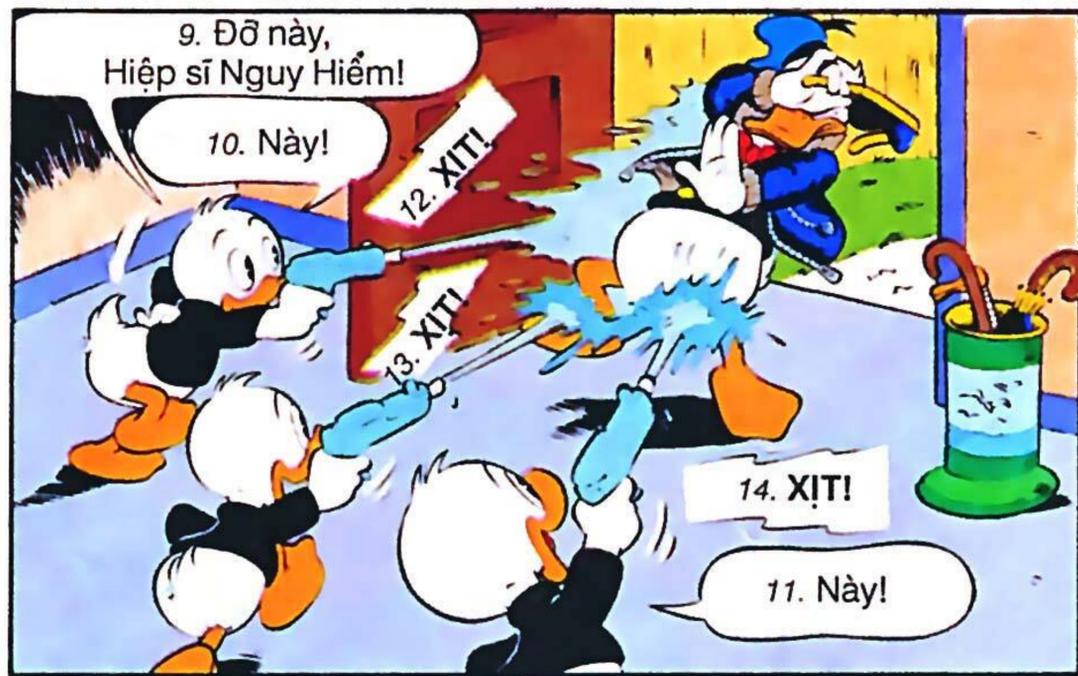
1. Here comes Danger Don, the famous adventure hero! He zips around the corner, looking for action!



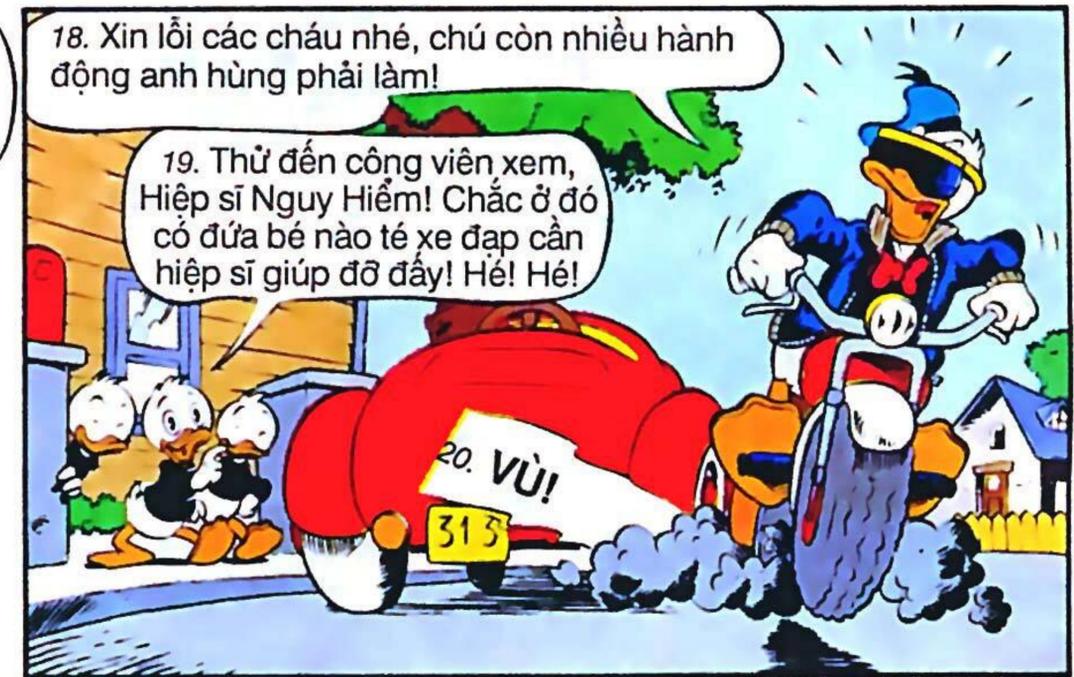
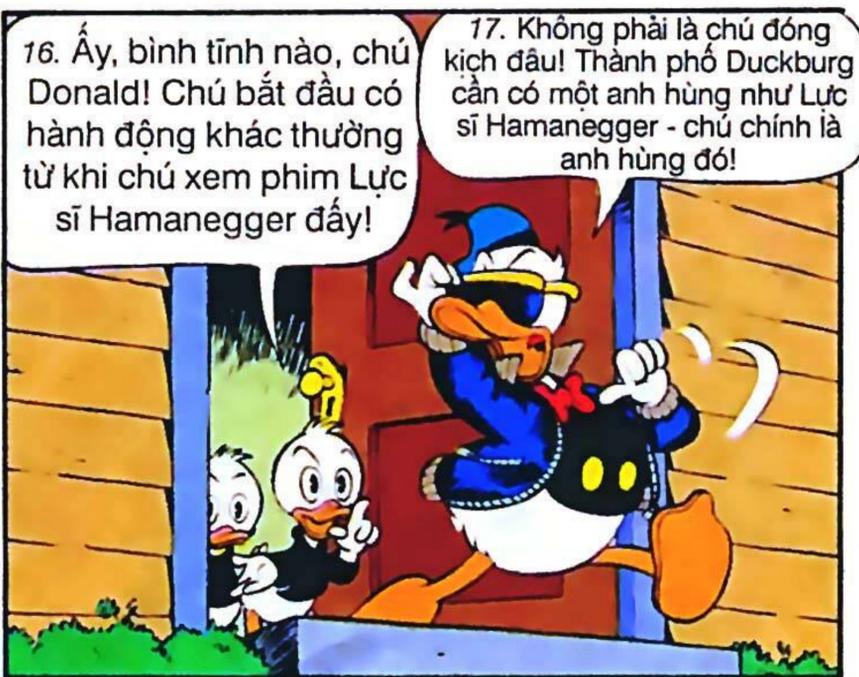
2. Hold on! Is that trouble brewin' over there? 3. SCREECH! 4. Better investigate!



5. Listen up, punks! Danger Don's my name — and here's my calling card! 6. THUNK! 7. Nobody move — or you'll be messin' with mayhem! 8. You're on!!!



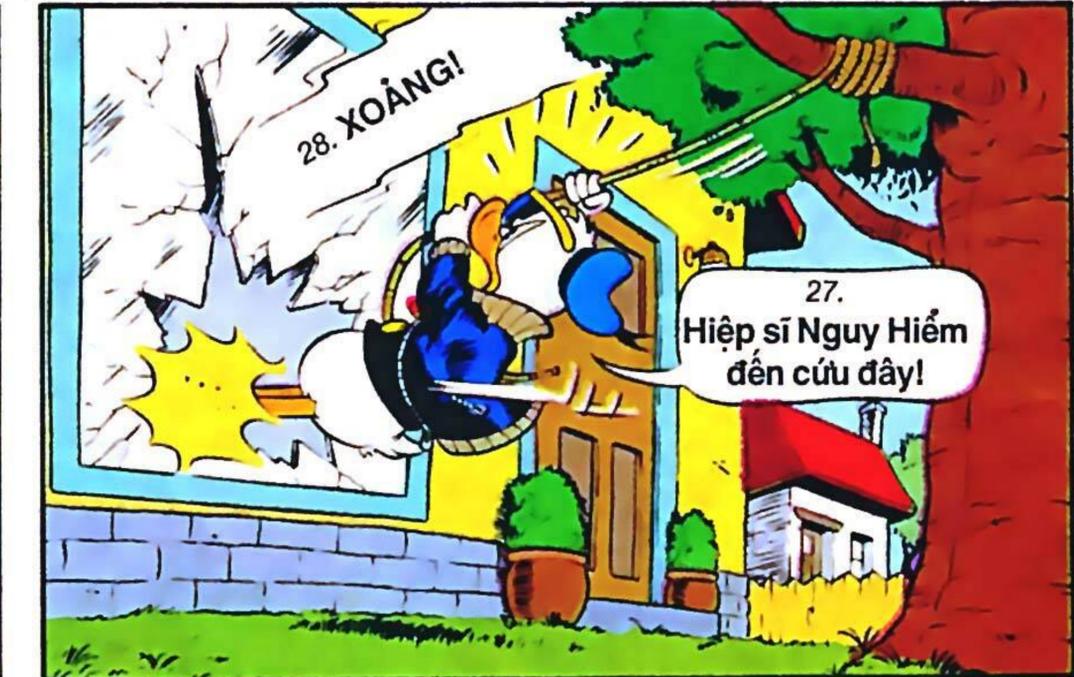
9. Take that, Danger Don! 10. And that! 11. And that! 12. SQUIRT! 13. SQUIRT! 14. SQUIRT! 15. Infants! How dare you disturb my hero practice??



16. Aw, lighten up, Unca Donald! You've been acting weird ever since you saw that Muscles Hamanegger movie! 17. This is no act! Duckburg needs a hero like Muscles — and I'm him! 18. Now if you'll excuse me, I have heroic acts to perform! 19. Try the park, "Danger!" Maybe some tiny tot fell off his tricycle! Heh! 20. ZOOM!



21. One hour later! 22. (Sigh!) Doesn't anybody need a hero today? Guess I'll stop by Daisy's and — 23. Yow! Looks like I'm just in time! Daisy's in mortal danger! 24. SKIDD! 25. DAISY DUCK!



26. But not for long, thanks to a little rope trick I learned from Muscles Hamanegger! 27. Danger Don to the rescue! 28. SHATTER!



29. Không ai được nhúc nhích — nếu không sẽ biết tay ta!

30. Áááá!

31. D... Daisy! Đây không phải là b... bạn trai của chị sao?

32. Chúng tôi đã nghỉ chơi nhau rồi! Hừ!

29. Nobody move — or you'll be messin' with mayhem! 30. Eeeeeeeek! 31. D-Daisy! Isn't that your b-boyfriend? 32. We just broke up! (Steam!)



33. Bỏ con dao xuống ngay, mụ kia!

34. Nhìn xem anh đã khiến tôi làm gì kia! Cây bonsai 200 tuổi của tôi đã bị cắt vụn ra rồi!



35. Đồ quý cái! Lần tới hãy để thứ vũ khí giết người này ở...

36. Đồ khốn kiếp, sao anh dám phá hoại câu lạc bộ làm vườn của tôi!!!

33. Drop that dagger, toots! 34. Look what you've made me do! My 200-year-old bonsai is reduced to mere... toothpicks! 35. Tough noogies! Next time leave your lethal weapons at — 36. How dare you crash my garden club, beast!!!



37. Câu lạc bộ làm vườn??? Hay là hang ổ của bọn khủng thích chơi dao?

38. Chỉ có anh mới là tên khủng ở đây thôi, Donald!



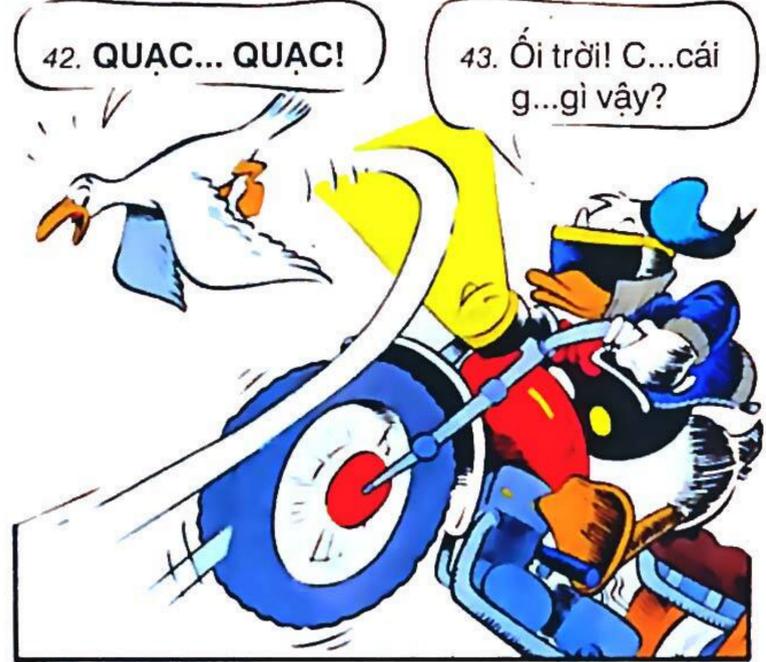
39. Cút đi chỗ khác mà đóng vai anh hùng!

37. Garden club??? Try den of knife-wielding maniacs! 38. The only maniac around here is you, Donald Duck! 39. Now go play hero somewhere else!



40. Đêm đó, tại khu vực bến tàu...

41. Đây đúng là nơi thích hợp cho một anh hùng! Những con hẻm tối tăm, nhà kho trống vắng, tàu bè đậu lộn xộn...



42. QUẠC... QUẠC!

43. Ôi trời! C...cái gì vậy?

40. That evening, at the waterfront — 41. Now here's the perfect place for a hero! Dark alleys, deserted warehouses, rowdy sail — 42. SQUAWK - SQUAWK! 43. Yipes! W-What w-was that??



44. Về tổ của mày ngay đi, đồ chim to mồm! Mày không thấy tao đang tìm xem có chuyện gì đang xảy ra ở đây sao?

45. RẦM!



47. Có chuyện gì rồi đây!

48. Đồ dân dộn! Không! Không!! Không!!!

44. Go home to your nest, ya big-mouthed bird! Can't you see I'm lookin' for trouble here? 45. CRASH! 46. SAILOR'S REST 47. And think I've just found it! 48. You dimwit! No! No!! No!!!



49. Hiệp sĩ Nguy Hiểm đến cứu đây! Đẹp tan các vụ ẩu đã chính là sứ mạng của ta!



50. Đây hồng phải là chuyên ẩu đã đâu, anh ban! Tụi này đang bàn về cách đan cho đúng mũi mà!

51. Chú mày làm tao đan hụt một mũi rồi!

52. Tao cũng bị như vậy!

49. Danger Don to the rescue! Breaking up brawls is my specialty! 50. This ain't no brawl, buster! We're discussing the proper way to pur! 51. And you just made me drop a stitch! 52. Me, too!



53. Này anh em! Tụi mình đâu có muốn bị hụt mũi đan phải không?

54. Không!

55. Không!



56. Đùừừừ!!!

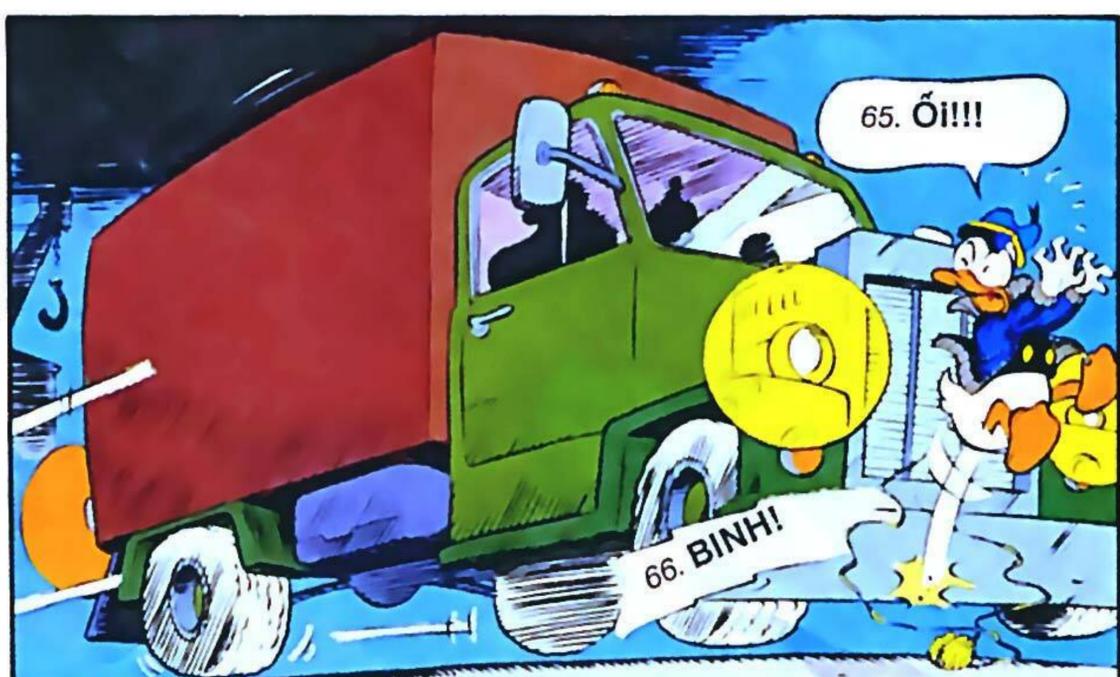
57. BUP!

58. BICH!

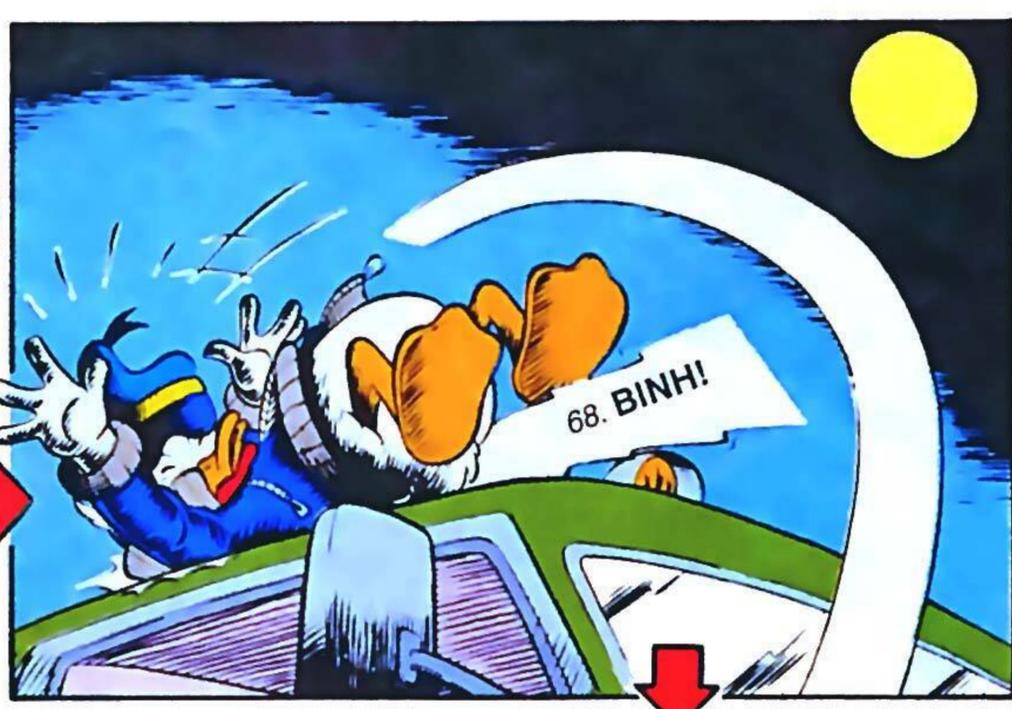
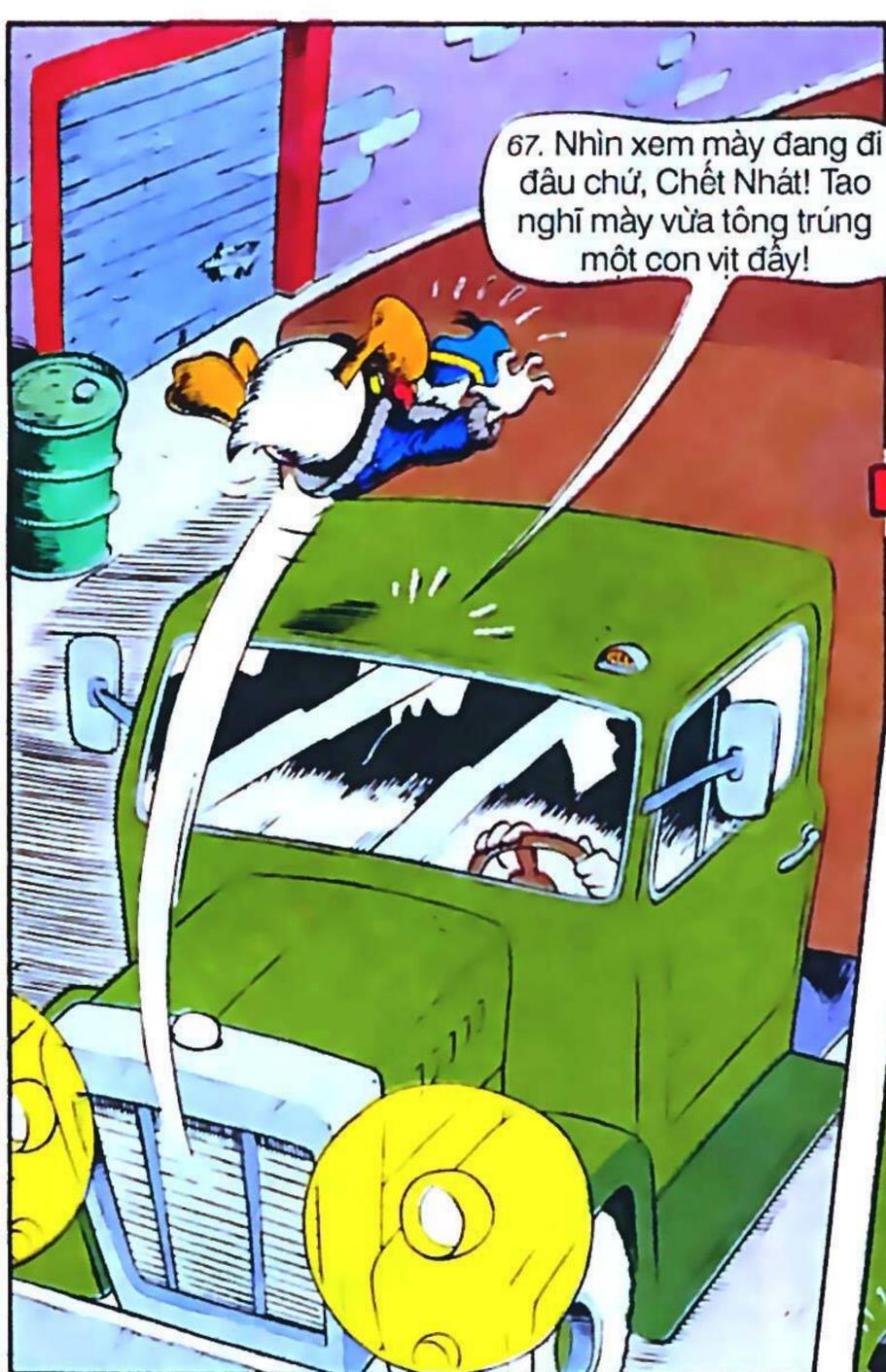
53. We don't like to drop stitches! Do we, boys? 54. No! 55. No! 56. Nooooooooo!!! 57. POW! 58. PUNCH!



59. One brawl later — 60. And stay out! 61. THUMP! 62. Oh, the pain! A hero's not supposed to feel pain... 63. RUMBLE - RUMBLE!



64. GASP!! 65. Yow!!!! 66. THUNK!



67. Watch where you're goin', Shivers! I think you just hit a duck! 68. CLUNK! 69. I d-didn't h-hit n-no d-d-duck! That was j-just a p-piece of t-t-trash!



70. Ừ, nhưng dù sao cũng nên chạy chậm lại! Thằng Lông Xù và tao đều muốn đến nơi được bình yên!

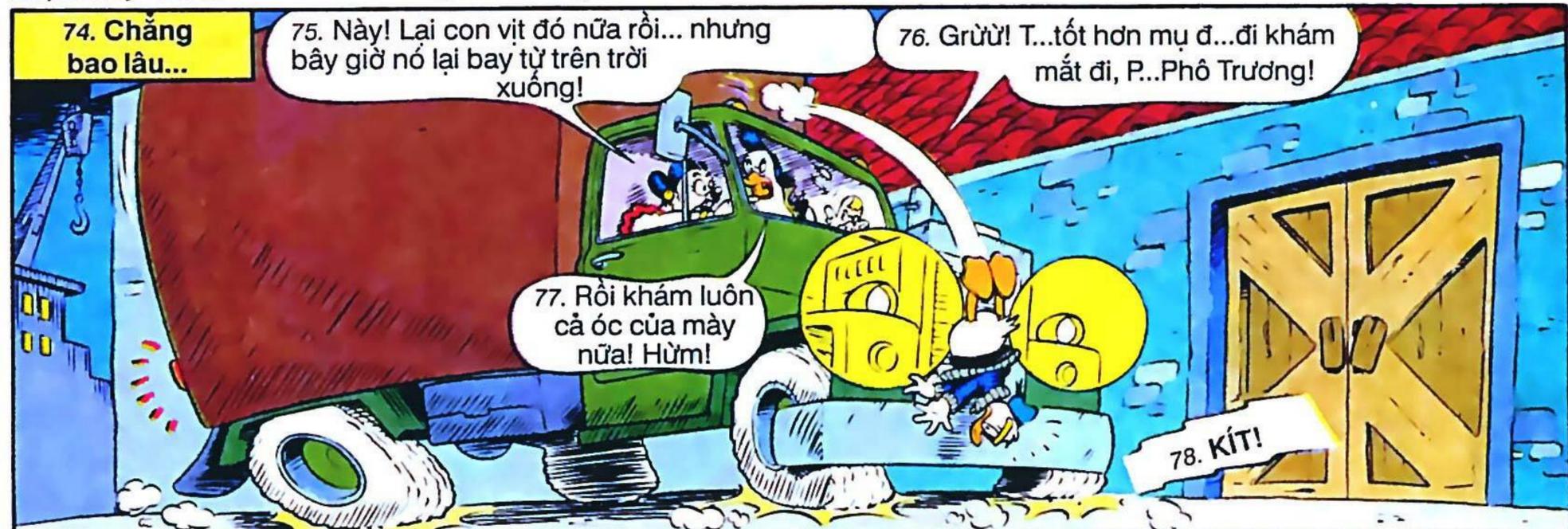
71. Mụ Phô Trương có lý đấy, Chết Nhất! Rót cuộc thì...



72. ...tụi mình cũng có phi vụ lớn phải làm tối nay mà!

73. Phi vụ? Ài chà! Tốt hơn mình nên bám theo xem!

70. Well, slow down anyway! Feathers and me wanna get there in one piece! 71. Glitzzy's right, Shivers! After all... 72. ...we got major mayhem to commit later tonight! 73. Mayhem? Whoa! I'd better stick around!



74. Chẳng bao lâu...

75. Này! Lại con vịt đó nữa rồi... nhưng bây giờ nó lại bay từ trên trời xuống!

76. Grừừ! T...tốt hơn mụ đ...đi khám mắt đi, P...Phô Trương!

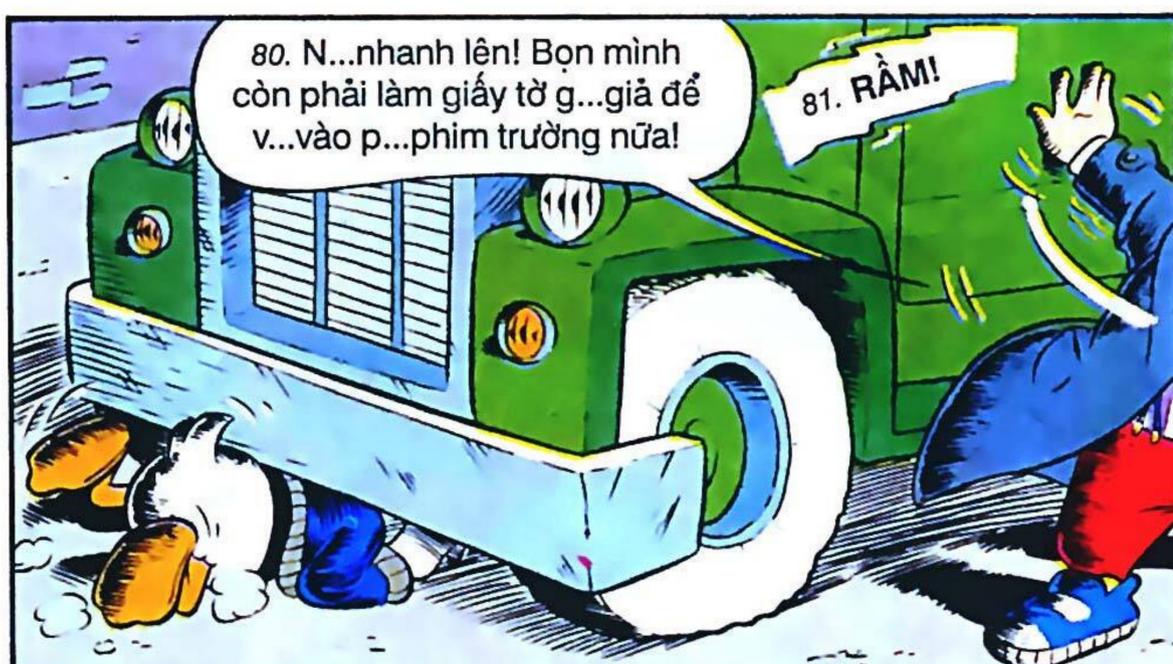
77. Rồi khám luôn cả óc của mày nữa! Hừm!

78. KÍT!

74. Soon — 75. Hey! There's that duck again — but now he's flyin' through the air! 76. Tsk! B-Better g-get your eyes examined, G-Glitzzy!! 77. And/or your brain! Hmph! 78. SCREECH!



79. BỊCH!



80. N...nhanh lên! Bọn mình còn phải làm giấy tờ g...giả để v...vào p...phim trường nữa!

81. RẦM!

79. BUMP! 80. Let's h-hurry! We still gotta f-fake those p-passes to the m-movie s-studio! 81. SLAM!



82. Khà! Sau khi tụi mình làm xong chuyện này, tên "người hùng" đó sẽ không biết việc gì xảy ra cho hắn!

83. Phim trường? Người hùng? Không biết mấy tên bất lương này đang âm mưu gì đây...

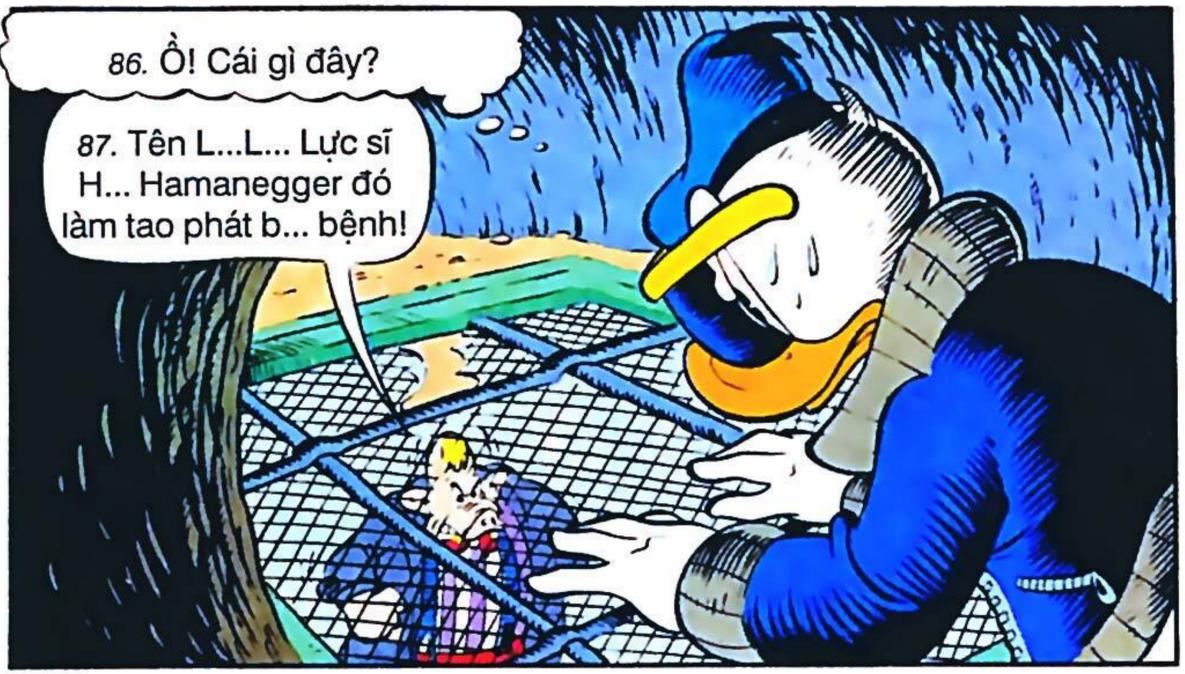


84. ...nhưng Hiệp sĩ Nguy Hiểm sẽ tìm ra cho xem!

82. (Snort!) By the time we're done, that "hero" won't know what hit him! 83. Movie studio? Hero?? I dunno what these crooks are up to... 84.but Danger Don definitely find out!



85. Úi! Khịt! Ái chà, Lực sĩ phải bò qua ống lò trông giống như...



86. Ồ! Cái gì đây?

87. Tên L...L... Lực sĩ H... Hamanegger đó làm tao phát b... bệnh!

85. Uff! Grunt! Gee, Muscles makes crawlin' through furnace ducts look so — 86. Whoops! What have we here? 87. That M-M-Muscles H-Hamanegger makes me s-s-s-sick!



88. Tao cũng vậy! Nhưng hết đêm nay là tên người hùng dỏm đó sẽ không còn trên đời này nữa!

89. Và đại ca Max McNasty sẽ thành một ngôi sao nổi tiếng mới! Hoan hô bọn bắt lương như tụi mình!

90. Ấy chết! Mình phải báo cho Lực sĩ biết mới được!

91. BÓP!

92. BÓP!



93. Ồ... úi!

94. KẾT!

88. Me, too! But after tonight, that hokey hero will be ancient history! 89. And super-villain Max McNasty will be the big new star! Hooray for bad guys like us! 90. Yipes! I gotta warn Muscles! 91. SLAP! 92. SLAP! 93. Uh-oh! 94. SQUEE!



95. Ííí! Lại con vịt bay đó nữa rồi!

96. SKIT!

97. Không ai được cử động — nếu không sẽ biết tay ta!

98. Mày nghĩ mày là ai hả, thằng nhóc con?

99. BỊCH!

100. Ta là anh hùng đây! Ta đã đến đây nè!



95. Eeeeeek!! I'm seeing that flyin' duck again! 96. SQUEAL! 97. Nobody move — or you'll be messin' with mayhem! 98. Just who do you think you are, punk? 99. THUD! 100. I'm a hero! And I'm outa here!



101. That door's nailed shut, bozo! 102. So what??? I'm Danger Don — and this is my calling card! 103. Ow!!!! 104. THUNK!



105. So whadda we do with this "hero", Shivers? 106. Throw him to the dogs? 107. Nah! Why not the old M-Max M-McNasty trick? Let's...



TRUYEN TRANH PHU BI.COM

108. "...p-p-put h-h-him on ice!" 109. You w-won't get away with t-this, crooks! (Brrr!) I'm D-Danger D-Don! 110. Better change your name to Frozen Freddy, pal! 111. Hee-hee-hee! 112. HISS! 113. HISS! 114. HISS!

(Xem tiếp tập 15)